

Số: /ĐHGTVT-KTĐBCLĐT
V/v báo cáo ba công khai năm học 2022 -2023

Hà Nội, ngày tháng 07 năm 2023

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Trường Đại học Giao thông vận tải báo cáo ba công khai năm học 2022 -2023 như trong các biểu mẫu gửi kèm. Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu HCTH, KTĐBCLĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. Nguyễn Thanh Chương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT

CÔNG KHAI CAM KẾT CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI
Năm học 2022-2023

1. Đào tạo Đại học

TT	Mã ngành	Tên ngành	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường; Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp	Trình độ đào tạo
1	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Thí sinh có đủ các điều kiện được tham gia tuyển sinh đại học theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành.	https://www.utc.edu.vn/about/index.php?q=dao-tao/chuan-dau-ra https://utc2.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-109	- Chế độ học bổng, chính sách miễn giảm học phí theo quy định của Nhà nước - Học bổng của ban liên lạc cựu sinh viên, học bổng của các doanh nghiệp có liên kết với nhà trường và khoa - Được tham gia các NCKH, tham gia hội thảo, hội nghị do Nhà	https://www.utc.edu.vn/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao https://utc2.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-109	https://www.utc.edu.vn/dao-tao/chuan-dau-ra	Đại học
2	7520103	Kỹ thuật cơ khí						
3	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử						
4	7520115	Kỹ thuật nhiệt						
5	7520218	Kỹ thuật robot và trí tuệ nhân tạo						
6	7340101	Quản trị kinh doanh						
7	7340201	Tài chính ngân hàng						
8	7340301	Kế toán						
9	7460112	Toán ứng dụng						

10	7480201	Công nghệ thông tin			trường, khoa, các đơn vị liên kết tổ chức			
11	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực						
12	7520130	Kỹ thuật ô tô						
13	7520201	Kỹ thuật điện						
14	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông						
15	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá						
16	7520320	Kỹ thuật môi trường						
17	7580201	Kỹ thuật xây dựng						
18	7580202	Kỹ thuật xây dựng công trình thuỷ						
19	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông						
20	7580301	Kinh tế xây dựng						
21	7580302	Quản lý xây dựng						
22	7310101	Kinh tế						
23	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành						
24	7840101	Khai thác vận tải						
25	7840104	Kinh tế vận tải						
26	7510104	Công nghệ kỹ thuật giao thông						
27	7480101	Khoa học máy tính						
28	7580106	Quản lý đô thị và công trình						
29	7520219	Hệ thống giao thông thông minh						

30	7580210	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng						
31	7580101	Kiến trúc						

2. Đào tạo Sau đại học

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo
1	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>I. Tiến sĩ:</p> <p>1. Điều kiện bài báo, báo cáo: Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỹ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.</p> <p>2. Điều kiện văn bằng:</p> <p>a. Về chuyên môn: Có bằng thạc sĩ ngành phù hợp hoặc ngành gần với ngành đăng ký dự tuyển hoặc có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển;</p> <p>b. Về Ngoại ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau: <ul style="list-style-type: none"> + Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác; + Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp; + Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển; + Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (quy định tại bảng tham chiếu phụ lục 2 kèm theo) theo quy định tại điểm c khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh);

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

3. Đề cương về hướng nghiên cứu:

Trình bày về hướng nghiên cứu hoặc chủ đề nghiên cứu: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan; lý do tại sao chọn hướng nghiên cứu; mục tiêu, nhiệm vụ và kết quả nghiên cứu dự kiến; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của người dự tuyển trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu. Đề cương được trình bày tối đa 10 trang trên khổ A4, đóng bìa theo mẫu đính kèm (ứng viên ký và ghi họ tên vào trang cuối của đề cương).

II. Thạc sĩ

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp. Đối với các thí sinh chọn theo định hướng Thạc sĩ nghiên cứu yêu cầu bằng tốt nghiệp đại học phải đạt từ loại khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Cụ thể: Thí sinh đủ điều kiện dự tuyển khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học GTVT cấp trong thời gian không quá 02 năm.

+ Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ Ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

+ Đạt kết quả theo yêu cầu kỳ kiểm tra, đánh giá trình độ ngoại ngữ của Trường Đại học GTVT.

Lưu ý: Yêu cầu ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra đối với mỗi người học phải cùng một ngôn ngữ và chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với người học đạt trình độ Thạc sĩ là có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

Yêu cầu riêng đối với người dự tuyển theo phương thức xét tuyển:

- Đã tốt nghiệp đại học loại khá trở lên hệ chính quy (không phải hệ liên thông, bằng hai) ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức.

		<ul style="list-style-type: none"> - Điểm trung bình các học phần Toán cao cấp từ 6,0 trở lên, trong đó không có điểm của học phần Toán cao cấp nào nhỏ hơn (dưới) 5,0. - Có đủ minh chứng về năng lực ngoại ngữ theo quy định. 												
2	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>Về kiến thức, kỹ năng, thái độ:</p> <p>I. Tiến sĩ: Người học có kiến thức thực tế và lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của chuyên ngành đào tạo; có kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; có kỹ năng tư duy, nghiên cứu độc lập, độc đáo, sáng tạo tri thức mới; có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn; thể hiện năng lực sáng tạo, có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia. Trình độ ngoại ngữ đạt được: Sử dụng tiếng Anh đạt trình độ bậc 4/6 theo khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam.</p> <p>II. Thạc sĩ Người học có kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo, có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng kiến thức tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân. Trình độ ngoại ngữ đạt được: Sử dụng tiếng Anh đạt trình độ bậc 4/6 theo khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam.</p>												
3	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<ul style="list-style-type: none"> - Người học được trang bị trang thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu, có phòng thí nghiệm, có thư viện, - Được bố trí ở ký túc xá (nếu có nhu cầu); Có sân thể thao, có căng tin phục vụ... 												
4	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	<p>I. Tiến sĩ:</p> <p style="text-align: center;">KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th rowspan="2" style="width: 25%;">Học Phần</th> <th colspan="2" style="width: 40%;">NCS có bằng thạc sĩ phù hợp</th> <th rowspan="2" style="width: 15%;">NCS có bằng Đại học loại giỏi <i>(ngành phù hợp)</i></th> <th rowspan="2" style="width: 20%;">Yêu cầu TT17/2021</th> </tr> <tr> <th style="width: 15%;">Ngành đúng</th> <th style="width: 25%;">Ngành gần</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </tbody> </table>	Học Phần	NCS có bằng thạc sĩ phù hợp		NCS có bằng Đại học loại giỏi <i>(ngành phù hợp)</i>	Yêu cầu TT17/2021	Ngành đúng	Ngành gần					
Học Phần	NCS có bằng thạc sĩ phù hợp			NCS có bằng Đại học loại giỏi <i>(ngành phù hợp)</i>	Yêu cầu TT17/2021									
	Ngành đúng	Ngành gần												

Học phần bổ sung, chuyên đổi	0	4TC	Học theo CTĐT trình độ thạc sĩ (Tối thiểu 30TC)	ThS=12TC (ngành đúng) <16TC (ngành gần) (b)
Học phần trình độ tiến sĩ	3*2TC	3*2TC	3*2 TC	
Chuyên đề tiến sĩ	2*2TC	2*2TC	2*2TC	
Tiểu luận tổng quan	1*2TC	1*2TC	1*2TC	ĐH>30TC (b)
Nghiên cứu khoa học Luận án tiến sĩ	90TC	90TC	90TC	(90/102=88%>80%) (b)
Tổng	102TC ≥ 90TC (a)	106TC (a)	≥120TC (phụ thuộc CTĐT trình độ thạc sĩ) (a)	

A. (Khối lượng kiến thức quy định trong Bảng là khối lượng cần đạt được)

*Ghi chú:

(a) Căn cứ khung trình độ quốc gia VN 1982/QĐ-TTg và Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT: Bậc 8 yêu cầu khối lượng học tập tối thiểu 90TC với người có bằng thạc sĩ, tối thiểu 120TC với người có bằng tốt nghiệp đại học.

(b) Yêu cầu đối với CTĐT (Khoản 5, điều 8, TT17)

- Tối thiểu 80% nghiên cứu khoa học & luận án tiến sĩ

- Tối đa 16 tín chỉ cho các học phần, môn học bắt buộc, tự chọn đầu vào trình độ thạc sĩ

- Tối thiểu 30 tín chỉ các học phần, môn học bắt buộc, tự chọn đầu vào trình độ đại học.

(c) Tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới **0,75 điểm trở lên** theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải **đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên** tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

		<p>II. Thạc sĩ Chương trình đào tạo đã công khai trên trang web của trường: https://www.utc.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-thac-si-cac-nganh</p>
5	<p>Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường</p>	<p>I. Tiến sĩ: - Có được khả năng làm việc, nghiên cứu độc lập, học tập suốt đời và hướng dẫn người khác làm nghiên cứu; - Người học cần không ngừng cập nhật kiến thức mới, đặc biệt là phương pháp nghiên cứu mới để làm chủ sự nghiệp nghiên cứu.</p> <p>II. Thạc sĩ Sau khi tốt nghiệp, học viên có đủ kiến thức, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu sâu hơn ở bậc tiến sĩ tại Đại học Giao thông Vận tải với các điều kiện xét tuyển tương ứng theo quy định hoặc có thể tiếp tục theo học các chương trình đào tạo bậc cao hơn trong và ngoài nước theo những chuyên ngành phù hợp.</p>
6	<p>Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp</p>	<p>I. Tiến sĩ: - Có đủ năng lực chuyên môn, kỹ năng và khả năng tư duy độc lập để làm việc với tư cách là các chuyên gia có trình độ cao trong lĩnh vực kỹ thuật tại các cơ quan, ngành quản lý trong nước và các tổ chức quốc tế. - Nghiên cứu viên và giảng viên trình độ cao về lĩnh vực kỹ thuật. - Quản lý điều hành, xây dựng chiến lược cho các hoạt động kỹ thuật trong các doanh nghiệp trong và ngoài nước. - Tư vấn, Thẩm định trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật. - Giảng viên dạy về lĩnh vực khoa học kỹ thuật.</p> <p>II. Thạc sĩ - Cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng và viện nghiên cứu. - Đảm nhận công việc quản lý, kỹ thuật tại các các cơ quan quản lý ngành giao thông vận tải và các ngành khác của nền kinh tế quốc dân. - Nghiên cứu xây dựng chính sách.</p>

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT**

**CÔNG KHAI CAM KẾT CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI
Năm học 2022-2023**

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại			
		Tiền sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số	120	907	25374	1088
1	Khối ngành III		95	2597	24
2	Khối ngành V	102	611	19579	1050
3	Khối ngành VII	18	201	3198	14

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm ra trường

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
	Tổng số	2122	95.9%
1	Khối ngành III	249	https://www.utc.edu.vn/Upload/FilePost/2021/12/30/ba-o-ca-o-ti-nh-hi-nh-vie-c-la-m-cu-a-sinh-vie-n-da-to-t-nghie-p-na-m-2021.pdf
2	Khối ngành V	1546	
3	Khối ngành VII	327	

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: $((\text{SL SVTN có việc làm} + \text{SL SVTN đang học nâng cao}) / \text{tổng số SVTN được khảo sát}) * 100$

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành: Tra cứu theo đường link:

<https://www.utc.edu.vn/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao>

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn: Người đọc có thể tra cứu thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo tại hệ thống thông tin nội bộ tại: <http://opac.utc.edu.vn>

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp: Các luận văn, luận án được lưu tại thư viện, người đọc được tìm hiểu nghiên cứu tại thư viện thông qua hệ thống thông tin nội bộ: <http://opac.utc.edu.vn>

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp: không

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Nghiên cứu và phát triển các tiến bộ công nghệ trong thiết kế, thi công và bảo trì cầu dây văng	05/07/2023	Phòng Hội thảo tầng 4 nhà A8	Ban Giám hiệu, Khoa Công trình, các nhà khoa học trong và ngoài trường
2	Nghiên cứu tác động của kênh tắt và cụm công trình thủy Trung tâm nhiệt điện Duyên Hải đến sự thay đổi trường dòng chảy và diễn biến địa hình vùng ven biển tỉnh Trà Vinh	30/06/2023	501-A6	Khoa Công trình, các giảng viên, các nhà khoa học trong và ngoài trường
3	Dao động phi tuyến của kết cấu công trình	25/5/2023	Phòng Hội thảo tầng 4 nhà A8	Ban Giám hiệu, Khoa Công trình, Khoa Kỹ thuật xây dựng, Phòng HTQT&NCPT, Phòng KHCN, các nhà khoa học trong và ngoài trường
	Tọa đàm về "Phát triển bền vững trong đào tạo đại học"	18/4/2023	Phòng hội thảo tầng 4 nhà A8	Ban Giám hiệu, Khoa Công trình, Trường Đại học Middlesex, các nhà khoa học trong và ngoài trường
	Hội thảo Giải pháp Công nghệ thông tin trong thời đại 4.0	15/4/2023	Trường Đại học Giao thông vận tải	300
	Quản lý xây dựng và Công nghệ 4.0 (lần thứ nhất)	26/5/2023	Phòng Hội thảo tầng 4, nhà A8	Toàn bộ CBGV của Khoa và khách mời
	Công nghệ Điện – Điện tử - Tự động hóa và ứng dụng trong lĩnh vực Giao thông	5/5/2023	Nhà A8, Trường Đại học GTVT	Các giảng viên, nghiên cứu viên của Khoa Điện – Điện tử và các giảng viên trong trường ĐH GTVT quan tâm. + Các chuyên gia và nhà khoa học từ các Trường đại học, Viện nghiên cứu, công ty vận hành tuyến đường sắt đô thị có liên quan đến lĩnh vực Điện – Điện tử - Tự động hoá trong giao thông.
	Xây dựng quy trình và bộ tiêu chí đánh giá độ tin cậy và an toàn (RAMS) của phương tiện đường sắt đô thị khai thác ở Hà Nội	31/12/2022	Phòng Hội thảo, Tầng 4, Nhà A8, Trường Đại học GTVT	Phòng Hội thảo, Tầng 4, Nhà A8, Trường Đại học GTVT

	nói chung và tuyên Cát Linh - Hà Đông nói riêng			
	Hội thảo "Nghiên cứu xây dựng mô hình dự báo mức độ an toàn và tuổi thọ của công trình hạ tầng ven biển và hải đảo bằng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu giám sát"	19/12/2022	Phòng 504-A8 Trường Đại học GTVT	Khoa Công trình, các thành viên trong đề tài, các giảng viên, chuyên gia trong và ngoài trường
	Hội thảo về "Cầu đường bộ - kỹ thuật và quản lý tài sản"	8/12/2022	Phòng Hội thảo-Cục Đường Bộ Việt Nam	Ban Giám hiệu, Khoa Công trình, Cục Đường bộ Việt Nam, Viện Quản lý đất đai và Hạ tầng Nhật Bản, các nhà khoa học trong và ngoài trường.
	Hội thảo “Giao thông bền vững theo quan điểm phát thải khí nhà kính và kinh tế tuần hoàn”	15/11/2022	Phòng 401-A1 Trường Đại học Giao thông vận tải	Prof. Gabriel Bogdan CARP, Giảng viên Khoa Công trình, Phòng HTQT&NCPT, các chuyên gia trong và ngoài trường, sinh viên các hệ của Khoa Công trình. Các giảng viên và sinh viên thuộc các ngành khác quan tâm tham dự, các nhà học, nhà quản lý thuộc các đơn vị Bộ ngành liên quan.
	Bộ chỉ tiêu và tiêu chí để quy hoạch xây dựng khu vực áp dụng mô hình TOD	9/11/2022	Phòng Hội thảo tầng 4 - nhà A8 Trường Đại học Giao thông vận tải	GS.TS. Nishiuchi Hiroaki trường Đại học Kỹ thuật Kochi - Nhật Bản TS. An Minh Ngọc - Khoa Vận tải kinh tế TS. Lê Thu Huyền - khoa Vận tải kinh tế
	Hội nghị Cardano Blockchain Hà nội 2022	21/11/2022	Trường Đại học Giao thông vận tải	Cardano Foundation - Khoa CNTT - Trường ĐH GTVT - Viện CNTT - Đại học QGHN - Khoa CNTT - Trường ĐH Nguyễn Trãi - DevMaster - FIMI - Cardano2VN
	Thực trạng, giải pháp giảng dạy và nghiên cứu Khoa học cơ bản năm 2022	10/11/2022	Phòng Hội thảo Tầng 4 A8 Đại học Giao thông vận tải	Các chuyên gia, các nhà khoa học và các giảng viên đã, đang và sẽ hoạt động trong lĩnh vực Khoa học cơ bản ở trong nước và quốc tế quan tâm tới các chủ đề của nội dung Hội thảo.
	Công nghệ mới & Ứng dụng trong lĩnh vực Điện- Điện Tử- Tự động hóa	4/11/2022	Đại học Giao thông vận tải	Các giảng viên, nghiên cứu viên của Khoa Điện – Điện tử và các giảng viên trong trường ĐH GTVT quan tâm. + Các chuyên gia và nhà

				khóa học từ các Trường đại học và Viện nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực Điện – Điện tử - Tự động hoá
	Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở về thi công và nghiệm thu bê tông cốt lưới dẹt trong sửa chữa, tăng cường kết cấu bê tông cốt thép.	6/10/2022	Phòng 401, Nhà A1, Trường Đại học Giao thông vận tải	Phòng Khoa học công nghệ; - Ban Tổ chức và Ban thư ký Hội nghị; - Khoa Kỹ thuật xây dựng; - Các cơ quan quản lý về ngành xây dựng và giao thông vận tải, các hiệp hội, tổ chức khoa học và công nghệ, các nhà khoa học
	Thực trạng và các giải pháp bảo vệ môi trường và an toàn giao thông	11/11/2022	T rường Đại học Giao thông vận tải	Giảng viên Khoa Môi trường và An toàn giao thông, các chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực môi trường và an toàn giao thông ở trong và ngoài trường
	Hội nghị KHCCN Khoa Cơ khí và Doanh nghiệp	1/11/2022	Trường Đại học Giao thông Vận tải	Các giảng viên trong Khoa Cơ khí, doanh nghiệp và khách mời
	Tăng trưởng xanh trong lĩnh vực Giao thông Vận tải” (Toward Green Growth in Transportation)	8/11/2022	Trường Đại học Giao thông vận tải	Cán bộ, Giảng viên Trường ĐHGTVT, Nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, đại diện các doanh nghiệp trong ngành GTVT
	Chuyển đổi số và các hệ thống thông minh	7/11/2022	Trường Đại học Giao thông vận tải	Giảng viên Khoa CNTT, các nhà khoa học ngoài trường, các doanh nghiệp công nghệ
	Công trình xây dựng thông minh cho tương lai-Smart Construction for the Future	10/11/2022	Trường ĐH GTVT	Các Thầy Cô 3 Khoa, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước
	The 4th International Conference on Sustainability in Civil Engineering (ICSCE 2022)	25/11/2022	Trường Đại học GTVT	Các nhà khoa học trong và ngoài nước.
	Việt Nam trong tiến trình đổi mới hội nhập phát triển	10/11/2022	Văn phòng khoa Lý luận chính trị	
	Phát triển ngành Giao thông vận tải thích ứng với điều kiện mới”	9/11/2022	Trường đại học GTVT - hình thức trực tiếp	Giảng viên, sinh viên và học viên, NCS khoa VTKT và các khoa trong trường quan tâm - Nhà khoa học, nhà quản lý tngoài trường

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	B2022-GHA-01 Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ số đánh giá tình trạng kết cấu công trình bến cảng dạng cầu tàu bằng phương pháp động xung kích tại Việt Nam	- PGS.TS. Nguyễn Thị Bạch Dương - ThS. Trần Minh Long - PGS.TS Nguyễn Thành Trung - PGS.TS. Nguyễn Viết Thanh - TS. Vũ Minh Tuấn - TS. Nguyễn Mạnh Thường - ThS. Nguyễn Duy Hoan - ThS. Vũ Thị Nga - KS. Phạm Thành Đạt - KS. Vũ Thanh Thái	- Công ty cổ phần cảng Sài Gòn - Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và kiểm định chất lượng công trình, Học viện kỹ thuật quân sự - Công ty cổ phần BKG	2022-2023	770	1. Sản phẩm khoa học: - 02 Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục tính điểm của hội đồng chức danh GSNN - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài (thuộc danh mục ISI - Q1/Q2, được chấp nhận đăng trong thời gian thực hiện đề tài). - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài (thuộc danh mục scopus, được chấp nhận đăng trong thời gian thực hiện đề tài) - 01 sách tham khảo 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng và sản phẩm khác: - 01 Chỉ số đánh giá tình trạng kỹ thuật một số cầu tàu thuộc cảng Sài Gòn. - 01 Bộ chỉ số đánh giá tình trạng kết cấu công trình bến cảng dạng cầu tàu.
2	B2022-GHA-02 Sử dụng mô phỏng phase field để nghiên cứu ổn định, dao động của tấm composite có vết nứt	- TS. Bùi Tuấn Anh - Phạm Minh Phúc - Lê Vĩnh An - Thái Khắc Chiến - Lương Xuân Chiêu - Bùi Thị Mai Anh - Phạm Thị Thảo	Trung tâm KHCN GTVT	2022-2023	700	1. Sản phẩm khoa học: - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài (thuộc danh mục ISI - Q1/Q2, được chấp nhận đăng trong thời gian thực hiện đề tài). - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài (thuộc danh mục scopus, được

						<p>chấp nhận đăng trong thời gian thực hiện đề tài)</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục tính điểm của hội đồng chức danh GSNN - 01 sách tham khảo <p>2. Sản phẩm đào tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS bảo vệ thành công chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài <p>3. Sản phẩm ứng dụng và sản phẩm khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 số liệu đánh giá sự mất ổn định của tấm composite phụ thuộc vào vị trí, hình dạng vết nứt. - 01 số liệu về tần số dao động của tấm tương ứng với từng loại vết nứt. - 01 chương trình máy tính
3	<p>B2022-GHA-03 Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quan trắc, đánh giá kết cấu cầu bằng phương pháp gián tiếp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - TS. Nguyễn Thị Cẩm Nhung - Bùi Tiến Thanh - Ngô Văn Minh - Bùi Ngọc Dũng - Nguyễn Ngọc Lân - Trần Ngọc Hòa - Hồ Việt Long - Trần Quang Minh 	<p>Geosig – swiss made to measure Địa chỉ: Wiesenstrasse 39, 8952 Schlieren, Switzerland Trường đại học Middlesex – Vương Quốc Anh</p>	2022-2023	550	<p>1. Sản phẩm khoa học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài (thuộc danh mục ISI - Q1/Q2, được chấp nhận đăng). - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài (thuộc danh mục ESCI, được chấp nhận đăng) <p>2. Sản phẩm đào tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài

						<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS bảo vệ thành công chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng và sản phẩm khác: <ul style="list-style-type: none"> - 01 quy trình hệ thống thiết bị chuyên dụng (xe/toa tàu có gắn thiết bị đo), chi tiết kết nối hệ thống. - 01 phần mềm kết nối không dây đầu đo trên thiết bị và đầu đo tham chiếu trên cầu.
4	<p>B2022-GHA-04 Nghiên cứu giải pháp kết cấu cầu liên hợp giữa dầm thép chế sẵn và bản mặt cầu lắp ghép bằng bê tông tính năng cao đến siêu cao, áp dụng cho các cầu vượt chịu tải trọng vừa và nhỏ</p>	PGS.TS. Ngô Văn Minh TS. Phạm Văn Phê TS. Tạ Duy Hiền TS. Nguyễn Xuân Tùng PGS.TS. Nguyễn Duy Tiến NCS.ThS. Võ Vĩnh Bảo TS. Lê Bá Anh TS. Vũ Bá Thành TS. Trần Ngọc Hòa NCS.ThS. Chu Văn An	- Viện Chuyên ngành Cầu Hàm – Viện KHCN Giao thông vận tải - Trung tâm KHCN Giao thông vận tải	2022-2023	550	1. Sản phẩm khoa học: <ul style="list-style-type: none"> - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài (thuộc danh mục Q1/Q2/SCIE, được chấp nhận đăng). - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài (thuộc danh mục Q3/Q4/SCIE, được chấp nhận đăng) - 01 Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục tính điểm của hội đồng chức danh GSNN - 01 sách tham khảo (được chấp nhận xuất bản) 2. Sản phẩm đào tạo: <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng và sản phẩm khác: <ul style="list-style-type: none"> - 01 Hồ sơ thiết kế cầu điển hình, vượt sông Tô Lịch, Hà Nội. - 01 Giải pháp hữu ích (được đăng ký)

5	<p>B2022-GHA-05 Nghiên cứu đánh giá khả năng chịu tải của các kết cấu cầu cũ bằng bê tông cốt thép có xét đến các tham số ngẫu nhiên và tham số mờ liên quan đến mức độ ăn mòn của bê tông và cốt thép</p>	<p>PGS.TS Trần Thế Truyền TS. Vũ Bá Thành ThS. Trần Ngọc Hòa TS. Đào Văn Dinh TS. Hồ Xuân Ba ThS. Nguyễn Đức Hiếu ThS. Nguyễn Khánh Đức ThS. Nguyễn Thị Thanh Tâm TS. Tạ Duy Hiền NCS. Võ Văn Nam</p>	<p>- Trung tâm KHCN, Đại học GTVT. - Công ty GTVT</p>	2022-2023	500	<p>1. Sản phẩm khoa học: - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài (thuộc danh mục ISI - Q1/Q2, được chấp nhận đăng trong thời gian thực hiện đề tài). - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài (thuộc danh mục scopus, được chấp nhận đăng trong thời gian thực hiện đề tài) - 02 Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục tính điểm của hội đồng chức danh GSNN - 02 bài báo đăng trên kỷ yếu hội nghị quốc gia, quốc tế. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS bảo vệ thành công chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng và sản phẩm khác: - 01 Bộ dữ liệu về ăn mòn các kết cấu dầm bê tông cốt thép trong phòng thí nghiệm. - 01 Mô hình tính toán sức kháng kết cấu dầm bê tông cốt thép có xét đến các tham số ngẫu nhiên và tham số mờ liên quan đến ăn mòn bê tông và các cốt thép. - 01 Kết quả phân tích tính toán sức kháng của một kết cấu cầu cũ đang</p>
---	--	--	--	-----------	-----	---

						khai thác trong thực tế bằng bê tông cốt thép theo mô hình đề xuất.
6	B2022-GHA-06 Xây dựng mô hình lan truyền hư hại trong vật liệu có bề mặt tiếp xúc không hoàn hảo, ứng dụng để xác định các ứng xử cơ học của bê tông cốt sợi thép phân tán	TS. Nguyễn Hoàng Quân PGS. TS Nguyễn Trung Kiên ThS. Phạm Thị Thanh Thủy TS. Lê Bá Anh TS. Lê Minh Cường ThS. Nguyễn Thị Hồng TS. Nguyễn Tiến Dũng ThS. Tạ Quốc Việt ThS. Bùi Thị Thanh Mai Ths. Đặng Thị Thu Thảo		2022-2023	450	1. Sản phẩm khoa học: - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài (thuộc danh mục ISI - Q1/Q2, được chấp nhận đăng trong thời gian thực hiện đề tài). - 01 Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục tính điểm của hội đồng chức danh GSNN 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng và sản phẩm khác: - 01 Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm. - 01 Mô hình số xác định ứng xử cơ học của bê tông cốt sợi thép.
7	B2022-GHA-07 Nghiên cứu thiết kế, chế tạo và vệt bê tông dự ứng lực cho ghi đơn phổ thông khổ 1000mm và thử nghiệm cho đường sắt chuyên dùng	ThS. NCS. Trần Anh Dũng ThS. Phạm Thị Loan PGS.TS Lê Hải Hà PGS. TS Trần Thế Truyền ThS. Đỗ Xuân Quý TS. Mai Văn Thắm ThS. NCS Lê Quang Hưng Học viên cao học. KS. Bùi Đức Quang TS. Tạ Duy Hiền ThS. Ngô Ngọc Quý	- Trung tâm KHCN, Đại học GTVT. - Công ty Cổ phần Công trình 6	2022-2023	800	1. Sản phẩm khoa học: - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài (thuộc danh mục ISI - Q1/Q2, được chấp nhận đăng trong thời gian thực hiện đề tài). - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài (thuộc danh mục scopus, được chấp nhận đăng trong thời gian thực hiện đề tài) - 02 Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục tính điểm của hội đồng chức danh GSNN

						<ul style="list-style-type: none"> - 01 tuyển tập công trình quốc gia, quốc tế 2. Sản phẩm đào tạo: <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS bảo vệ thành công chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng và sản phẩm khác: <ul style="list-style-type: none"> - 01 Hồ sơ thiết kế, mẫu sản phẩm tà vẹt bê tông dự ứng lực cho ghi đơn phổ thông khổ 1000mm (loại tg0,15, ray P43).. - 01 Dự thảo chỉ dẫn thiết kế, chỉ dẫn thi công và chỉ dẫn nghiệm thu tà vẹt bê tông dự ứng lực cho ghi đơn phổ thông khổ 1000mm (loại tg0,15, ray P43)
8	<p>B2022-GHA-08</p> <p>Nghiên cứu phát triển giải pháp kết hợp tăng khả năng chịu lực và độ bền cho kết cấu cột bê tông cốt thép có cốt đã bị ăn mòn bằng bê tông cốt lưới dệt các bon</p>	<p>ThS.Đình Hữu Tài</p> <p>TS. Hồ Thị Hoài</p> <p>PGS. TS. Nguyễn Duy Tiến</p> <p>ThS. Mai Đình Lộc</p> <p>TS. Nguyễn Tuấn Anh</p> <p>ThS. Nguyễn Huy Cường</p> <p>ThS. Lê Đăng Dũng</p> <p>ThS. Vũ Văn Hiệp</p> <p>ThS. Phạm Thị Thanh Thủy</p> <p>KS. Bùi Quang Tuấn</p> <p>PGS.TS Nguyễn Xuân Huy</p>	<p>Công ty cổ phần xây dựng VPROS</p>	2022-2023	810	<p>1. Sản phẩm khoa học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài (thuộc danh mục ISI - Q1/Q2, được chấp nhận đăng trong thời gian thực hiện đề tài). - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài (thuộc danh mục ESCI, được chấp nhận đăng trong thời gian thực hiện đề tài) - 02 Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục tính điểm của hội đồng chức danh GSNN <p>2. Sản phẩm đào tạo:</p>

						<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS bảo vệ thành công chuyên đề theo hướng nghiên cứu của đề tài <p>3. Sản phẩm ứng dụng và sản phẩm khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Bằng độc quyền giải pháp hữu ích về sử dụng bê tông cốt lưới dệt bảo vệ chống ăn mòn và tăng cường khả năng chịu lực cho kết cấu cột BTCT. - 01 Quy trình công nghệ thi công lớp bê tông cốt lưới dệt các bon để bảo vệ chống ăn mòn và tăng cường khả năng chịu lực cho kết cấu cột BTCT
9	<p>B2022-GHA-09 Nghiên cứu thiết kế chế tạo thử nghiệm thiết bị kiểm tra không phá hủy kết cấu bê tông sử dụng công nghệ sóng điện từ</p>	<p>ThS. Hồ Thành Trung Ths Võ Thiện Lĩnh PGS.TS. Đào Thanh Toàn Ths. Võ Quang Sơn PGS TS Hoàng Văn Phúc Ths. Vũ Ngọc Quý ThS. NCS. Lê Đăng Dũng</p>		2022-2023	550	<p>1. Sản phẩm khoa học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục tính điểm của hội đồng chức danh GSNN - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài (thuộc danh mục ISI - Q1/Q2, được chấp nhận đăng trong thời gian thực hiện đề tài). - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài (thuộc danh mục scopus, được chấp nhận đăng trong thời gian thực hiện đề tài) <p>2. Sản phẩm đào tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài <p>3. Sản phẩm ứng dụng và sản phẩm khác:</p>

						<ul style="list-style-type: none"> - 01 Máy đo không phá hủy. - 01 Sáng chế (Được chấp nhận đơn trong thời gian thực hiện đề tài). - 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng thiết bị.
10	<p>B2022-GHA-10</p> <p>Nghiên cứu phát triển hệ đo dao động kết cấu nhíp trên cơ sở chuyển đổi áp điện phục vụ công tác quan trắc thường xuyên các công trình cầu qua internet không dây</p>	<p>PGS. TS. Đào Thanh Toàn ThS. Nguyễn Thúy Bình TS. Nguyễn Hải Dương Ths.NCS. Khổng Đức Chiến Ths. Võ Quang Sơn Ths.NCS. Hồ Thành Trung Ths.NCS. Nguyễn Xuân Lam</p>		2022-2023	600	<p>1. Sản phẩm khoa học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục tính điểm của hội đồng chức danh GSNN - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài (thuộc danh mục ISI - Q1/Q2, được chấp nhận đăng trong thời gian thực hiện đề tài). - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài (thuộc danh mục scopus, được chấp nhận đăng trong thời gian thực hiện đề tài) <p>2. Sản phẩm đào tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài <p>3. Sản phẩm ứng dụng và sản phẩm khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Máy đo không phá hủy. - 10 Cảm biến gia tốc. - 05 Bộ thập và truyền dữ liệu không dây. - 01 Website đo trực tuyến - 01 sáng chế (tối thiểu được chấp nhận đơn trong thời gian thực hiện đề tài) - 01 Tài liệu hướng dẫn lắp đặt và triển khai đo dao động kết cấu nhíp cầu

11	<p>B2022-GHA-562-05 Nghiên cứu thành phần hóa học và đánh giá tác dụng ức chế sự phát triển tế bào ung thư loài <i>Acanthus ilicifolius</i> L. và <i>Acanthus ebracteatus</i> Vahl ở rừng ngập mặn vườn Quốc gia Xuân Thủy, tỉnh Nam Định</p>	PGS. TS. Nguyễn Thị Mai TS. Bùi Thị Mai Anh ThS. Vũ Thị Xuân ThS.Lê Phương Hiền NCS.ThS. Đỗ Thị Trang	Viện Hóa sinh biển – Viện Hàn lâm KH&CN VN	2022-2023	500	1. Sản phẩm khoa học: - 01 Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục tính điểm của hội đồng chức danh GSNN - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài (thuộc danh mục ISI - Q1/Q2, được chấp nhận đăng). - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài (thuộc danh mục ISI – Q3/Q4, được chấp nhận đăng) 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sỹ theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng và sản phẩm khác: - 02 Hình ảnh loài nghiên cứu được giám định tên khoa học. - 02 Báo cáo kết quả phân lập và xác định cấu trúc các hợp chất. - 02 Báo cáo kết quả thử hoạt tính. - 02 Hợp chất mới - 01 sáng chế (<i>được chấp nhận đơn hợp lệ</i>)
12	<p>B2023-GHA-01 Nghiên cứu phát triển các thuật toán điều khiển nhóm thiết bị bay không người lái (UAV)</p>	PGS. TS. Trịnh Lương Miên Trần Ngọc Tú Nguyễn Tuấn Minh Đặng Hà Dũng Trịnh Thị Hương Ngô Thị Thu Hương Võ Văn Ân Đỗ Trung Hải Nguyễn Văn Cường Nguyễn Thị Tuyết Hoa	- Công ty cổ phần Techpal	2022-2023	730	1. Sản phẩm khoa học: - 01 Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục tính điểm của hội đồng chức danh GSNN - 02 Bài báo được đăng hoặc chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học trong chỉ mục trích dẫn của WoS, ranking Q2 2. Sản phẩm đào tạo:

						<p>- Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sỹ bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài</p> <p>3. Sản phẩm ứng dụng và sản phẩm khác:</p> <p>- Nhóm sản phẩm gồm 3 UAV sử dụng các thuật toán điều khiển phát triển và tài liệu hướng dẫn đi kèm được thử nghiệm trong một số trường hợp thực tế</p> <p>Mục tiêu sử dụng chính của UAV là phục vụ giám sát, thu thập số liệu từ trên cao, kết nối mạng thiết bị, kết nối mạng truyền thông, có thể điều khiển từ xa và tự động, và hoạt động theo nhóm, có thể lập trình theo các thuật toán đề xuất của đề tài.</p> <p>Các yêu cầu kỹ thuật của UAV như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Camera: camera giám sát chất lượng, đảm bảo thu thập dữ liệu ổn định; + Động cơ quay: có từ 4-6 động cơ; + Cảm biến: có một số cảm biến đo khoảng cách, tốc độ, môi trường; + Khả năng lưu trữ dữ liệu: có; + Khả năng lập trình: có; + Khả năng kết nối mạng: có; + Khả năng truyền thông và kết nối tới các hệ thống thông tin khác: có; + Khả năng điều khiển từ xa: có; + Khả năng điều khiển tự động: có
13	B2023-GHA-02	- TS. Ngô Thanh Bình	Công ty Vinaintech	2022-2023	650	1. Sản phẩm khoa học:

	<p>Nghiên cứu phát triển giải pháp xử lý hình ảnh 3D kết hợp dữ liệu camera và LiDAR để phát hiện và định vị đối tượng ứng dụng trong điều khiển xe tự hành</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vũ Ngọc Quý - Nguyễn Thúy Bình - Phí Văn Lâm - Bùi Ngọc Dũng - Trần Ngọc Hiền - Cồ Như Văn - Nguyễn Danh Thành - Nguyễn Văn Hào 				<ul style="list-style-type: none"> - 01 Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục tính điểm của hội đồng chức danh GSNN - 02 Bài báo bài báo được đăng hoặc chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học trong chỉ mục trích dẫn của WoS, ranking Q2 2. Sản phẩm đào tạo: <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sỹ bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng và sản phẩm khác: <ul style="list-style-type: none"> - 01 Giải pháp hữu ích (được chấp nhận đơn) - 01 Bộ phần mềm điều khiển xe tự hành tích hợp dữ liệu xử lý hình ảnh 3D sử dụng Camera và LiDAR - 01 Xe tự hành AGV có tích hợp giải pháp mới được đề xuất trong đề tài - 01 Bản vẽ thiết kế mô hình xe tự hành - 01 Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng
14	<p>B2023-GHA-03 Đánh giá nguyên nhân các vết nứt dọc dầm trên sườn hộp và bản nắp của một số cầu dầm hộp bê tông cốt thép dự ứng lực (BTCT DUL) thi công theo phương pháp đẩy và đề xuất giải pháp sửa chữa, bảo trì.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - ThS. Nguyễn Ngọc Lân - Bùi Tiến Thành - Nguyễn Văn Hậu - Trần Ngọc Hòa - Phạm Văn Phê - Trần Việt Hưng - Nguyễn Đức Bình - Nguyễn Nho Quảng 	Công ty TNHH GTVT	2023-2024	630	<ul style="list-style-type: none"> 1. Sản phẩm khoa học: <ul style="list-style-type: none"> - 01 Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục tính điểm của hội đồng chức danh GSNN - 02 Bài báo bài báo được đăng hoặc chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học trong chỉ mục trích dẫn của WoS, trong đó 01 bài ranking Q1 và 01 bài ranking Q2. - 01 Hội thảo chuyên ngành quốc gia, quốc tế có phản biện

						<p>2. Sản phẩm đào tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 thạc sỹ bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài <p>3. Sản phẩm ứng dụng và sản phẩm khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Giải pháp hữu ích (được chấp nhận đơn) - 01 Hướng dẫn các bước để đánh giá nguyên nhân và ảnh hưởng của các loại vết nứt (như nứt dọc bản nắp, dọc sườn hộp, ngang bản đáy) tới sức kháng của dầm hộp BTCT DUL - 01 Hướng dẫn lựa chọn giải pháp sửa chữa gia cường phù hợp cho các dầm hộp BTCT DUL bị nứt
15	<p>B2023-GHA-04 Phát triển mô hình tương tác giữa dòng chảy và kết cấu, và đề xuất một số giải pháp giảm thiểu tác động của dòng chảy lũ lên công trình cầu trong điều kiện Việt Nam</p>	<ul style="list-style-type: none"> - PGS. TS. Nguyễn Hữu Thuận - Vũ Thị Bích Huệ - Vũ Đắc Đức - Nguyễn Mạnh Hải - Ngô Văn Minh - Đỗ Anh Tú - Hoàng Việt Hải - Hoàng Thị Tuyết - Vũ Bá Thành - Lê Hà Linh 	Công ty CPTV Đầu tư và xây dựng CTGT	2023-2024	715	<p>1. Sản phẩm khoa học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục tính điểm của hội đồng chức danh GSNN - 01 bài ranking Q1 và 01 bài ranking Q2 được chấp nhận đăng trong thời gian thực hiện đề tài. - 01 sách tham khảo được xuất bản hoặc chấp nhận xuất bản trong thời gian thực hiện đề tài <p>2. Sản phẩm đào tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 thạc sỹ bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài <p>3. Sản phẩm ứng dụng và sản phẩm khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Giải pháp hữu ích “Bộ hồ sơ thiết kế điển hình Giải pháp kết cấu giảm thiểu thiểu tác động dòng chảy lên

					<p>công trình cầu nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng lớn của lũ, lụt” (được chấp nhận đơn)</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Sản phẩm ứng dụng chuyên giao có địa chỉ cụ thể: “Hướng dẫn tính toán hệ số cản dòng của kết cấu ngập nước có hình dạng mặt cắt ngang bất kỳ, phục vụ tính toán thiết kế các bộ phận công trình cầu ngập nước”. - 01 Hướng dẫn khảo sát, thiết kế tính toán tác động của dòng chảy lên công trình cầu ở điều kiện Việt Nam 	
16	<p>B2023-GHA-05 Nghiên cứu xác định mô đun đàn hồi hiệu dụng của bê tông công trình cầu dưới ảnh hưởng của từ biến và nhiệt độ dựa vào thực nghiệm và phương pháp học máy (Machine Learning)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - PGS. TS. Nguyễn Phương Duy - Đỗ Anh Tú - Trần Đức Tâm - Hoàng Thị Tuyết - Vũ Bá Thành - Thảm Quốc Thắng - Ngô Đức Chinh - Bùi Thị Hồng - Trương Tuấn An - Nguyễn Thành Tâm 		2023-2024	780	<p>1. Sản phẩm khoa học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục tính điểm của hội đồng chức danh GSNN - 02 Bài báo bài báo được đăng hoặc chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học trong chỉ mục trích dẫn của WoS, trong đó 01 bài ranking Q1 và 01 bài ranking Q2. <p>2. Sản phẩm đào tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS bảo vệ thành công 01 chuyên đề NCS theo hướng nghiên cứu của đề tài - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sỹ bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài <p>3. Sản phẩm ứng dụng và sản phẩm khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 bằng sáng chế (được chấp nhận đơn)

						<ul style="list-style-type: none"> - 01 Bộ số liệu về mô đun đàn hồi của BT theo ngày tuổi trong các điều kiện dưỡng hộ khác nhau. - 01 Bộ số liệu về ứng suất – biến dạng và mô đun đàn hồi hiệu dụng của BT theo thời gian - 01 chương trình máy tính
17	<p>B2023-GHA-06 Phát triển phương pháp tính dựa trên lý thuyết năng lượng biến dạng bù để phân tích ứng suất dư do hàn nhiệt gây ra trong kết cấu dầm cầu thép</p>	<ul style="list-style-type: none"> - TS. Phạm Văn Phê - Bùi Thanh Quang - Nguyễn Trung Kiên - Nguyễn Xuân Huy - Tạ Duy Hiền - Đào Sỹ Đán - Đỗ Thị Hằng - Nguyễn Đức Bình 	Công ty TNHH GTVT	2023-2024	585	<ol style="list-style-type: none"> 1. Sản phẩm khoa học: <ul style="list-style-type: none"> - 01 Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục tính điểm của hội đồng chức danh GSNN - 02 Bài báo bài báo được đăng hoặc chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học trong chỉ mục trích dẫn của WoS, trong đó 01 bài ranking Q2 và 01 bài ranking Q3. 2. Sản phẩm đào tạo: <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sỹ bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng và sản phẩm khác: <ul style="list-style-type: none"> - 01 Hướng dẫn đánh giá ứng suất dư và sức kháng còn lại trong một số loại mối nối đường hàn trong các kết cấu cầu - Bộ cơ sở dữ liệu với các trường hợp hàn khác nhau và các kết quả ứng suất dư (phân bố, độ lớn) tương ứng để phục vụ cho việc kiểm toán đường hàn thực tế và tính toán các sức kháng còn lại của kết cấu thép.
18	B2023-GHA-07	- PGS. TS. Nguyễn Xuân Huy		2023-2024	585	1. Sản phẩm khoa học:

	<p>Nghiên cứu tăng cường dầm bê tông cốt thép tại khu vực có lỗ khoét bằng bê tông cốt lưới dẹt</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lê Đăng Dũng - Nguyễn Huy Cường - Nguyễn Hoàng Quân - Bùi Thị Loan - Nguyễn Quang Sĩ - Đinh Hữu Tài - Phạm Thị Thanh Thủy - Bùi Thị Thanh Mai - Nguyễn Thành Tâm 				<ul style="list-style-type: none"> - 01 Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục tính điểm của hội đồng chức danh GSNN - 02 Bài báo bài báo được đăng hoặc chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học trong chỉ mục trích dẫn của WoS, trong đó 01 bài ranking Q1 và 01 bài ranking Q2. <p>2. Sản phẩm đào tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS bảo vệ thành công 01 chuyên đề NCS theo hướng nghiên cứu của đề tài - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sỹ bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài <p>3. Sản phẩm ứng dụng và sản phẩm khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Bản hướng dẫn tính toán tăng cường dầm BTCT có lỗ khoét bằng bê tông cốt lưới dẹt - 01 Bản hướng dẫn quy trình thi công tăng cường dầm BTCT có lỗ khoét bằng bê tông cốt lưới dẹt - 01 Bộ dữ liệu kết quả thí nghiệm dầm có lỗ khoét trước và sau khi tăng cường bằng bê tông cốt lưới dẹt.
19	<p>B2023-GHA-08 Phát triển phương pháp phân tử hữu hạn dầm bậc cao kết hợp với trí tuệ nhân tạo tính độ tin cậy của dầm composite</p>	<ul style="list-style-type: none"> - TS. Tạ Duy Hiến - Nguyễn Xuân Tùng - Phạm Văn Phê - Đào Sỹ Đán - Nguyễn Đăng Điềm - Nguyễn Ngọc Lâm - Đặng Thu Thủy 		2023-2024	485	<p>1. Sản phẩm khoa học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục tính điểm của hội đồng chức danh GSNN - 02 Bài báo bài báo được đăng hoặc chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học trong chỉ mục trích dẫn của WoS,

		- Nguyễn Duy Hưng				trong đó 01 bài ranking Q1 và 01 bài ranking Q2. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sỹ bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng và sản phẩm khác: - 01 Chương trình máy tính tính toán độ tin cậy của dầm composite kết hợp phương pháp phần tử hữu hạn và trí tuệ nhân tạo. - 01 Báo cáo đánh giá độ tin cậy của dầm composite kết hợp phương pháp phần tử hữu hạn và trí tuệ nhân tạo..
20	B2023-GHA-09 Nghiên cứu chế tạo cấu kiện bê tông sử dụng sợi nano PZT-CNT phun kéo sợi điện trường nhằm chuyên hóa năng lượng do tải trọng xe tác dụng lên mặt đường thành điện năng	- TS. Đào Sỹ Đán - Nguyễn Nhật Minh Trí - Tạ Duy Hiền - Nguyễn Xuân Tùng - Bùi Thanh Quang - Nguyễn Đăng Điềm - Nguyễn Duy Hưng - Cao Thị Mai Hương - Trần Thế Hiệp		2023-2024	680	1. Sản phẩm khoa học: - 01 Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục tính điểm của hội đồng chức danh GSNN - 02 Bài báo bài báo được đăng hoặc chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học trong chỉ mục trích dẫn của WoS, trong đó 01 bài ranking Q1 và 01 bài ranking Q2. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS bảo vệ thành công 01 chuyên đề NCS theo hướng nghiên cứu của đề tài. - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sỹ bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng và sản phẩm khác:

						<ul style="list-style-type: none"> - 0.1 gam dung dịch sợi nano phun kéo sợi điện trường. - 01 cấu kiện bê tông thu thập dữ liệu với các tính năng. - 01 bảng sáng chế (được chấp nhận đơn)
21	<p>B2023-GHA-10 Nghiên cứu xây dựng mô hình ứng xử đàn hồi và nhớt có xét đến tính không đồng nhất và nứt của tông, ứng dụng trong công tác dự báo biến dạng dài lâu của kết cấu công trình cầu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - TS. Thái Minh Quân - Lê Thu Trang - Nguyễn Hoàng Quân - Nguyễn Đình Hải - Nguyễn Thanh Sang - Nguyễn Tiến Dũng - Trần Việt Hùng - Hoàng Việt Hải - Nguyễn Quang Tuấn - Trần Thị Thu Hồng 		2023-2024	585	<p>1. Sản phẩm khoa học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục tính điểm của hội đồng chức danh GSNN - 01 bài ranking Q2 và 01 bài ranking Q3 được chấp nhận đăng trong thời gian thực hiện đề tài. <p>2. Sản phẩm đào tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sỹ bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài <p>3. Sản phẩm ứng dụng và sản phẩm khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Chương trình mô phỏng ứng xử cơ học đàn hồi và nhớt của bê tông xi măng. - 01 Chương trình dự báo biến dạng dài lâu của kết cấu công trình cầu. - 01 Một bộ số liệu thí nghiệm các số liệu đầu vào mô hình đàn hồi và nhớt của bê tông xi măng
22	<p>B2023-GHA-11 Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính ức chế enzyme α glucosidase và α amylase của hai loài trà</p>	<p>PGS. TS. Hoàng Thị Tuyết Lan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trần Thúy Nga - Nguyễn Thị Cúc - Bùi Thị Mai Anh - Vũ Thị Xuân 	<ul style="list-style-type: none"> - Viện hóa sinh biển - Viện hàn lâm KHCN Việt Nam 	2023-2024	625	<p>1. Sản phẩm khoa học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục tính điểm của hội đồng chức danh GSNN - 01 Bài báo bài báo được đăng hoặc chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học

	hoa hoa vàng <i>Camellia phanii</i> và <i>Camellia hirsuta</i> ở Việt Nam	Đan Thúy Hằng Phạm Thị Ngọc Ánh Đặng Vũ Lương Nguyễn Quang Tâm				trong chỉ mục trích dẫn của WoS, ranking Q1/Q2. - 01 Bài báo bài báo được đăng hoặc chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học trong chỉ mục trích dẫn của Scopus/ESCI. 2. Sản phẩm đào tạo: - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sỹ bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài 3. Sản phẩm ứng dụng và sản phẩm khác: - 01 bằng sáng chế (chấp nhận đơn). - 01 Bộ tiêu bản và báo cáo định danh 2 loài trà hoa vàng đặc hữu (<i>C. phanii</i> và <i>C. hirsuta</i>). - 01 Sơ đồ phân lập các hợp chất sạch từ loài <i>C. phanii</i> - 01 Sơ đồ phân lập các hợp chất sạch từ loài <i>C. hirsuta</i> - 01 Báo cáo kết quả thử hoạt tính ức chế enzyme α -glucosidase và α -amylase của các hợp chất phân lập được.
23	B2023-CTT-08 Xấp xỉ phương trình đạo hàm riêng ngẫu nhiên hoặc phụ thuộc tham số bằng mạng neuron sâu và các bài toán có số chiều rất lớn liên quan	TS. Nguyễn Văn Kiên Phạm Thành Dương Đinh Dũng Nguyễn Anh Ngọc Dư Thị Thu Trang		2023-2024	400	1. Sản phẩm khoa học: - 02 Bài báo quốc tế SCIE/SCOPUS được đăng hoặc chấp nhận đăng trong quá trình thực hiện đề tài (trong đó có 01 bài thuộc danh mục SCIE uy tín Q1/Q2). 2. Sản phẩm đào tạo:

						<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ đào tạo 01 thạc sỹ bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài - Hỗ trợ đào tạo 01 tiến sỹ bảo vệ thành công ít nhất 01 chuyên đề NCS theo hướng nghiên cứu của đề tài.
24	01C-04/02-2021-2 Nghiên cứu đề xuất hệ thống tiêu chí và chỉ tiêu để quy hoạch xây dựng khu vực áp dụng mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD) tại thủ đô Hà Nội	PGS. TS. Ngô Văn Minh		7/2021 đến tháng 12/2022	1200	<ul style="list-style-type: none"> Hệ thống tiêu chí và chỉ tiêu để quy hoạch xây dựng khu vực áp dụng mô hình phát triển đô thị - Hồ sơ khu vực áp dụng mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD) - Hồ sơ áp dụng thí điểm cho trường hợp cụ thể - Định hướng triển khai mô hình phát triển TOD - Quy trình lập quy hoạch xây dựng khu vực áp dụng TOD - Kỷ yếu hội thảo - 02 bài Tạp chí Khoa học CNGTVT, Tạp chí Giao thông Vận tải - 01 Tạp chí khoa học Quốc tế
25	01C- 02/02-2021-3 Thiết kế, chế tạo thiết bị và phát triển công nghệ kiểm tra cầu sử dụng thiết bị bay không người lái kết hợp trí tuệ nhân tạo	PGS. TS. Lương Xuân Chiêu		7/2021 đến tháng 06/2023	2600	<ul style="list-style-type: none"> - 01 Thiết bị bay không người lái VTOL UAV - 01 Trạm điều khiển mặt đất GCS - Thiết bị chế tạo phục vụ nghiên cứu - 01 bộ thuyết minh kỹ thuật cho thiết bị bay không người lái - 01 Giải pháp kiểm tra vết nứt kết cấu cầu sử dụng thiết bị bay không người lái kết hợp trí tuệ nhân tạo

						<ul style="list-style-type: none"> - Tập mẫu hình ảnh sự cố đặc thù phục vụ đánh giá an toàn công trình cầu - Phần mềm: <ul style="list-style-type: none"> + 01 bộ các mô - đụn phần mềm trên UAV + 01 bộ các mô - đụn phần mềm tại + 01 bộ các mô - đụn phần mềm phục vụ quá trình nghiên cứu, thử nghiệm. - Bộ hồ sơ thiết kế - Quy trình công nghệ chế tạo, lắp đặt - Hướng dẫn sử dụng - Báo cáo phân tích - Báo cáo hiệu quả kinh tế kỹ thuật - Hồ sơ pháp lý - Hồ sơ đăng ký kết quả đề tài - 01 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế, hoặc hội thảo quốc tế - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước - 01 đăng ký Giải pháp hữu ích - 01 Học viên cao học
26	DT214003 Nghiên cứu giải pháp giảm năng lượng dòng chảy bằng mô nhám gia cường bên trong công đốc	TS. Nguyễn Đăng Phóng		1/2021-12/2022	900	<ul style="list-style-type: none"> - Bản vẽ mẫu thiết kế bố trí mô nhám gia cường trên thân công hộp có độ dốc tương đối lớn - Chỉ dẫn kỹ thuật về công tác thiết kế và thi công mô nhám gia cường trong công hộp có độ dốc tương đối lớn - 02 bài báo tạp chí chuyên ngành hoặc hội thảo khoa học trong nước - 01 bài báo thuộc danh mục Scopus

27	DT214005 Nghiên cứu sự phân bố nhiệt độ trong dầm cầu bê tông cốt thép có mặt cắt dạng hộp trên đường ô tô	PGS. TS. Ngô Đăng Quang		01/2021-06/2022	600	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở dữ liệu về sự phân bố nhiệt độ trên 3 công trình cầu bê tông cốt thép có mặt cắt dạng hộp kín - Mô hình gradient nhiệt phương đứng của mặt cắt cầu - Mô hình gradient nhiệt phương ngang của mặt cắt cầu - Chỉ dẫn tính toán có xét đến gradient nhiệt - 02 bài báo khoa học
28	DT214026 Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn tuyến hỗ trợ giá và khung định mức hỗ trợ giá cho các tuyến vận tải đường sắt phục vụ an sinh xã hội của đường sắt Việt Nam	PGS. TS. Lê Quân		1/2021-3/2022	350	<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo tiêu chuẩn hỗ trợ giá cho các tuyến vận tải - Dự thảo khung định mức hỗ trợ giá cho các tuyến vận tải - 02 bài báo khoa học tạp chí chuyên ngành hoặc tuyển tập báo cáo hội nghị KH-CN quốc gia, quốc tế có phân biện
29	CT05/01-2022-3	PGS. TS. Đỗ Đức Tuấn		7/2022 – 6/2024	1.600	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở khoa học và bộ tiêu chí đánh giá độ tin cậy và an toàn (RAMS) của phương tiện đường sắt đô thị trong điều kiện Hà Nội - Quy trình đánh giá độ tin cậy và an toàn (RAMS) của phương tiện đường sắt đô thị trong điều kiện HN - Phần mềm đánh giá độ tin cậy và an toàn (RAMS) - Sổ tay hướng dẫn sử dụng phần mềm đánh giá độ tin cậy và an toàn (RAMS)

						- Hồ sơ áp dụng thí điểm cho tuyến đường sắt đô thị Cát Linh – Hà Đông - 02 bài báo Tạp chí Khoa học GTVT, Tạp chí GTVT, Tạp chí Cơ khí Việt Nam hoặc các tạp chí chuyên ngành khác.
30	Nghiên cứu phát triển thuật toán xây dựng cơ sở tri thức dựa trên luật mờ giải nghĩa được và có khả năng mở rộng từ các tập dữ liệu lớn	TS. Hoàng Văn Thông		01/01/2022 - 31/12/2023	100	Chương 1. Một số kiến thức tổng quan Chương 2. Các phương pháp xây dựng cơ sở tri thức dạng luật mờ từ tập dữ liệu lớn Chương 3. Phát triển thuật toán xây dựng cơ sở tri thức dạng luật mờ giải nghĩa được và mở rộng được từ tập dữ liệu lớn
31	Nghiên cứu mô hình mạng nơ ron tích chập sâu ứng dụng trong giám sát sức khỏe kết cấu công trình giao thông tại Việt Nam	ThS. Nguyễn Trần Hiếu		01/01/2022 - 01/01/2024	120	Nghiên cứu (NC) các đặc trưng hư hỏng của các kết cấu công trình giao thông, đặc biệt là công trình (CT) cầu liên tục nhịp lớn - Thu thập dữ liệu và thực hiện các kế hoạch đo dài hạn, tiền xử lý dữ liệu - NC các mô hình học sâu trong giám sát sức khỏe công trình - NC các thuật toán học máy trong các mô hình học sâu và giám sát sức khỏe công trình - Ứng dụng mô hình học sâu trên dữ liệu đo để đưa ra cảnh báo hư hỏng công trình và lập kế hoạch bảo trì, sửa chữa CT - Đánh giá, thử nghiệm hệ thống
32	Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (ANN) dự đoán nhám bề mặt nhằm tối ưu hóa các	TS. Nguyễn Văn Cường		01/01/2022 - 31/12/2023	100	Chương 1. Nghiên cứu tổng quan về phương pháp phay trên máy phay CNC Chương 2. Xây dựng mô hình mạng trí tuệ dự đoán nhám bề mặt Chương 3. Thực nghiệm huấn luyện

	tham số quá trình phay CNC					mạng trí tuệ và đánh giá độ chính xác mô hình 3.1. Mục đích của nghiên cứu thực nghiệm 3.2. Hệ thống thí nghiệm 3.3. Ma trận thí nghiệm 3.4. Kết quả mô hình hồi quy tạo mẫu huấn luyện dự đoán nhám bề mặt 3.5. Thực nghiệm và so sánh với kết quả dự đoán của mô hình mạng trí tuệ về nhám bề mặt khi phay Kết luận và kiến nghị
33	Nghiên cứu tối ưu thời gian điều khiển giao thông tại các nút giao thông bằng phương pháp tối ưu đa mục tiêu (GA, PSO) kết hợp mô hình mô phỏng giao thông cho dòng xe hỗn hợp	TS. Đỗ Văn Mạnh		01/01/2022 - 31/12/2023	120	1. Tổng quan về tối ưu hoá thời gian điều khiển tín hiệu giao thông tại các nút giao thông. 2. Xây dựng mô hình tối ưu đa mục tiêu cho thời gian điều khiển tín hiệu giao thông dựa trên thuật toán GA và PSO. 3. Thực nghiệm tính toán tối ưu bằng mô hình đề xuất cho một nút giao thông cụ thể tại Việt Nam. 4. Kiểm chứng kết quả thông qua xây dựng mô hình mô phỏng giao thông cho dòng giao thông hỗn hợp từ dữ liệu thực tế, kết quả tính toán tối ưu và dữ liệu của hệ thống thông tin địa lý (GIS).
34	Tối ưu hóa vật liệu composite sử dụng phương pháp cấu trúc tiến hóa hai chiều (BESO) và trí tuệ bầy đàn (Swarm Intelligence) trên cơ sở mô hình phase field	TS. Vũ Bá Thành		01/01/2022 - 31/12/2023	120	Nội dung: 1. Tổng quan về phương pháp phase field mô phỏng hư hỏng của kết cấu không hoặc có xét tới ảnh hưởng của hư hỏng mặt phân cách giữa hai vật liệu thành phần trong vật liệu composite. 2. Tổng quan về phương pháp tối ưu hóa BESO và thuật toán trí tuệ bầy đàn 3. Áp dụng

						phương pháp BESO và thuật toán trí tuệ bầy đàn để tối ưu hóa vật liệu composite II. Kết quả -Phát triển thành công mô hình tối ưu hóa vật liệu sử dụng phương pháp BESO và trí tuệ bầy đàn trên cơ sở mô hình phase field
35	Nghiên cứu xây dựng hệ thống theo dõi ứng xử động kết cấu cầu giàn thép đường sắt dưới tác dụng của đoàn tàu di động dựa trên trí tuệ nhân tạo và kết quả đo dao động.	TS. Nguyễn Xuân Tùng		01/01/2022 - 31/12/2023	120	Chương 1: Tổng quan về nghiên cứu dao động của KCN cầu giàn thép trên đường sắt Chương 2: Nghiên cứu xây dựng mô hình phân tích ứng xử động của KCN cầu đường sắt dưới tác dụng của hoạt tải đoàn tàu có xét đến yếu tố vận tốc Chương 3: Khảo sát và thực nghiệm đo dao động KCN cầu giàn thép đường sắt biên song song Chương 4: Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo để phân tích ứng xử động học cho kết cấu nhịp cầu giàn thép đường sắt nhịp lớn. Kết luận và kiến nghị
	Phát triển mô hình số, mô hình phân tích đánh giá ảnh hưởng của các dạng biến dạng cong vênh và các mô hình ứng suất dư tới sức kháng còn lại của kết cấu nhịp cầu dầm thép và lựa chọn giải pháp khắc phục hiệu quả	TS. Phạm Văn Phê		01/01/2022 - 31/12/2022	120	Tổng quan ảnh hưởng của ứng suất dư và biến dạng ban đầu. - Phát triển mô hình số Kết quả: Phát triển thành công mô hình, Đăng 01 bài báo khoa học nằm trong danh mục tạp chí SCIE của thế giới. - Phát triển mô hình phân tích đơn giản hóa Kết quả: Phát triển thành công mô hình, Đăng 01 bài báo tiếng Anh trên tạp chí khoa học của trường. - Xây dựng đề xuất chỉ dẫn phương pháp thiết kế cho giải pháp khắc phục kết cấu dầm

						thép bị ảnh hưởng của ứng suất dư và biến dạng cong vênh
36	Nghiên cứu ứng dụng tích hợp các kỹ thuật khai thác dữ liệu (Data mining) và GIS trong phân tích dữ liệu tai nạn giao thông	TS. Lê Khánh Giang		01/01/2022 - 31/12/2023	120	Phân tích ưu nhược điểm của các thuật toán khai thác dữ liệu trong phân tích tai nạn giao thông. - Nghiên cứu ứng dụng tích hợp các kỹ thuật khai thác dữ liệu và GIS trong phân tích tai nạn giao thông. Kết quả: - Phân cụm tai nạn giao thông và Xác định các loại tai nạn tương ứng với các cụm. - Xác định các nguyên nhân chính gây ra tai nạn bằng cách áp dụng các luật liên kết - Hiện thị kết quả trực quan bằng việc tích hợp GIS và các kỹ thuật khai thác dữ liệu
37	Nghiên cứu ảnh hưởng của rung động do tải trọng giao thông đến đến công trình xung quanh bằng phương pháp đàn hồi động.	TS. Nguyễn Châu Lân		01/01/2022 - 31/12/2022	100	Nghiên cứu tổng quan về lý thuyết Elasto-Plastic cho phân tích rung động của nền đất Nghiên cứu phân tích phần tử hữu Plaxis 3D cho mô hình tải trọng-kết cấu xung quanh Nghiên cứu thí nghiệm hiện trường lắp đặt thiết bị quan trắc rung động do tải trọng giao thông gây ra Phân tích kết quả thí nghiệm bằng phần mềm Elasto-Plastic
38	Xây dựng yêu cầu vật liệu, chỉ dẫn thiết kế, thi công và nghiệm thu sử dụng vật liệu bê tông tính năng siêu cao trong sửa chữa, tăng cường cầu đường bộ ở Việt Nam	PGS.TS Nguyễn Ngọc Long		01/01/2022 - 30/06/2023	120	Khảo sát các dạng hư hỏng điển hình trên bản mặt cầu, dầm thép và bản liên tục nhiệt trên các cầu ở VN - Giải pháp thiết kế-lý thuyết sửa chữa tăng cường bản mặt cầu, bản liên tục nhiệt, dầm thép bằng UHPC - Thí nghiệm tăng cường dầm thép chịu cắt cục bộ bằng UHPC - Nghiên cứu thiết kế vật

						liệu thành phần, cấp phối và giải pháp đảm bảo UHPC đủ tính công tác cho khối lượng thi công nhỏ trong SCC. - Là liệu hướng dẫn thiết kế, thi công, nghiệm thu
39	Phát triển mô hình giải tích phân tích ứng xử chịu xoắn của dầm bê tông cốt composite polyme.	TS. Nguyễn Tuấn Anh		01/01/2022 - 31/12/2023	120	Chương 1: Tổng quan về các nghiên cứu trong nước và nước ngoài liên quan tới mô hình lý thuyết và giải tích xác định ứng xử chịu xoắn của kết cấu bê tông cốt thanh composite polyme. Chương 2: Nghiên cứu đề xuất mô hình giải tích xác định ứng xử chịu xoắn của kết cấu bê tông cốt thanh composite polyme. Chương 3: Kiểm chứng kết quả tính toán của mô hình giải tích với các nghiên cứu thực nghiệm trong và ngoài nước. Chương 4: Kết luận và kiến nghị
40	Nghiên cứu phát triển kết cấu lai dạng tấm phẳng bằng bê tông cốt lưới dẹt và bê tông cốt thép ứng dụng trong công trình cầu đường bộ.	ThS. Phạm Thị Thanh Thủy		01/01/2022 - 31/12/2023	120	Tổng quan về kết cấu lai dạng tấm phẳng bằng bê tông cốt lưới dẹt và bê tông cốt thép - Đề xuất cấu tạo cho kết cấu lai dạng tấm phẳng bằng bê tông cốt lưới dẹt và bê tông cốt thép - Thực nghiệm xác định ứng xử dính bám giữa tấm phẳng bê tông cốt lưới dẹt và bê tông cốt thép - Thực nghiệm xác định ứng xử chịu lực của kết cấu lai dạng tấm phẳng bê tông cốt lưới dẹt và bê tông cốt thép - Xây dựng mô hình tính toán lý thuyết cho kết cấu lai dạng tấm phẳng bê tông cốt lưới dẹt và bê tông cốt thép

41	Nghiên cứu ảnh hưởng của phương thức lái đến mức tiêu hao nhiên liệu ngoài thực tế đối với xe máy	TS. Nguyễn Thị Yến Liên		01/01/2022 - 31/12/2023	120	Thu thập dữ liệu: lắp đặt, kết nối thiết bị; thu dữ liệu hoạt động ngoài thực tế (vận tốc và tốc độ tiêu hao nhiên liệu tức thời) - Xây dựng bộ xử lý dữ liệu - Nghiên cứu ảnh hưởng của các phương thức lái tới tiêu hao nhiên liệu - Xác định mức tiêu hao nhiên liệu ở chế độ không tải - Kết quả: 01 bộ xử lý dữ liệu, 01 bộ số liệu tiêu hao nhiên liệu theo các phương thức lái, 01 bộ số liệu tiêu hao nhiên liệu chế độ không tải, 01 bộ thông số đặc trưng lái có ảnh hưởng lớn tới tiêu hao nhiên liệu.
42	Nghiên cứu, thiết kế bộ điều khiển thích nghi robot bầy đàn trên cơ sở trí tuệ nhân tạo kết hợp với phương thức kết nối biểu đồ định hướng ứng dụng trong logistics.	TS. Lê Thị Thuý Nga		01/01/2022 - 31/12/2023	120	Phân tích hình ảnh, nhận dạng mục tiêu và vật cản. - Xác định phương trình động lực học Lagrange của từng cá thể robot. - Dựa trên cơ sở trí tuệ nhân tạo, lý thuyết kết nối biểu đồ để xây dựng thuật toán điều khiển từng cá thể robot sao cho quỹ đạo di chuyển là tối ưu. - Mô phỏng kiểm chứng bằng chương trình máy tính và mô hình thực.

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Kiểm định CLGD Trường	1/2016	Đạt	Công nhận cấp Giấy chứng nhận kiểm định CLGD Trường	Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng do BGDDĐT ban hành	23/3/2016	23/3/2021
2	Kiểm định chất lượng CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	1/2017	Đạt	Công nhận cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng CTĐT	Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng do BGDDĐT ban hành	23/3/2017	23/3/2022
3	Kiểm định chất lượng CTĐT ngành Kinh tế xây dựng	1/2017	Đạt	Công nhận cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng CTĐT	Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng do BGDDĐT ban hành	23/3/2017	23/3/2022
4	Kiểm định chất lượng CTĐT ngành Kinh tế vận tải	1/2017	Đạt	Công nhận cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng CTĐT	Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng do BGDDĐT ban hành	23/3/2017	23/3/2022
5	Kiểm định chất lượng CTĐT ngành Khai thác vận tải	1/2017	Đạt	Công nhận cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng CTĐT	Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng do BGDDĐT ban hành	23/3/2017	23/3/2022
6	Kiểm định chất lượng CTĐT CTTT ngành Kỹ thuật xây dựng (Chuyên sâu KTXD CTGT)	1/2017	Đạt	Công nhận cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng CTĐT	Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng do BGDDĐT ban hành	23/3/2017	23/3/2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT

CÔNG KHAI CAM KẾT CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

Năm học 2022-2023

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng				
	Trong đó:	216.940			
a	Trụ sở chính: Số 3 – phố Cầu giấy	55.400	x		
b	Phân hiệu TP. Hồ Chí Minh	161.540	x		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học				
	Trong đó:	74.436,78			
a	Trụ sở chính: Số 3 – phố Cầu giấy	44.199,78	x		
b	Phân hiệu TP. Hồ Chí Minh	30.237	x		

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	80	52,961
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	11	12,256
1.2	Giảng đường từ 100 - 200 chỗ	17	3,675
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	20	3,088
1.4	Số phòng dưới 50 chỗ	2	125
1.5	Số phòng học đa phương tiện	16	3,534
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	14	30,282
2	Thư viện, trung tâm học liệu	2	4,250
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	30	41,347
	TỔNG	112	98,557

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

Khối ngành/ Nhóm ngành	Đầu sách	Bản sách
Khối ngành III	454.262	
Khối ngành V	616.273	
Khối ngành VII	519.455	
Các môn chung	15.002	
Tổng cộng:	1.604.992	

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ (m ² /sv)
1	Diện tích đất/sinh viên	9,12
2	Diện tích sàn/sinh viên	3,13

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT

CÔNG KHAI CAM KẾT CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI
Năm học 2022-2023

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số	893	4	94	272	497	26					
a	Khối ngành III	112		5	22	84	1					
b	Khối ngành V	688	3	80	232	352	21					
c	Khối ngành VII	93	1	9	18	61	4					

B. Công khai đội ngũ giảng viên theo ngành

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
1	Nguyễn Chí Trung	Thạc sĩ		Công nghệ kỹ thuật giao thông
2	Nguyễn Hoàng Minh	Thạc sĩ		Công nghệ kỹ thuật giao thông
3	Nguyễn Thị Yên	Tiến sĩ		Công nghệ kỹ thuật giao thông
4	Nguyễn Tuấn Anh	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Công nghệ kỹ thuật giao thông
5	Nguyễn Tuấn Thành	Thạc sĩ		Công nghệ kỹ thuật giao thông
6	Vũ Thị Thu Nga	Tiến sĩ		Công nghệ kỹ thuật giao thông
7	Bùi Minh Thảo	Đại học		Công nghệ thông tin
8	Bùi Ngọc Dũng	Tiến sĩ		Công nghệ thông tin
9	Bùi Thị Hồng	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
10	Bùi Việt Hương	Tiến sĩ		Công nghệ thông tin
11	Cao Thị Luyên	Tiến sĩ		Công nghệ thông tin
12	Đào Thị Lệ Thủy	Tiến sĩ		Công nghệ thông tin
13	Đỗ Văn Đức	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
14	Đỗ Văn Linh	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
15	Đỗ Xuân Cảnh	Tiến sĩ		Công nghệ thông tin
16	Hoàng Thị Tuyết Lan	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Công nghệ thông tin
17	Hoàng Thiệu Anh	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
18	Hoàng Thùy Linh	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
19	Lại Mạnh Dũng	Tiến sĩ		Công nghệ thông tin
20	Lê Đắc Hiền	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
21	Lê Thanh Tâm	Tiến sĩ		Công nghệ thông tin
22	Lương Thái Lê	Tiến sĩ		Công nghệ thông tin
23	Ngô Quang Quỳnh	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
24	Nguyễn Đình Dương	Tiến sĩ		Công nghệ thông tin
25	Nguyễn Đức Dư	Tiến sĩ		Công nghệ thông tin
26	Nguyễn Đức Hạnh	Tiến sĩ		Công nghệ thông tin
27	Nguyễn Đức Mạnh	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Công nghệ thông tin
28	Nguyễn Hải Hà	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
29	Nguyễn Hiếu Cường	Tiến sĩ		Công nghệ thông tin
30	Nguyễn Huy Hoàng	Tiến sĩ		Công nghệ thông tin
31	Nguyễn Kim Sao	Tiến sĩ		Công nghệ thông tin
32	Nguyễn Mạnh Hùng	Tiến sĩ		Công nghệ thông tin
33	Nguyễn Quang Vinh	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
34	Nguyễn Quốc Tuấn	Tiến sĩ		Công nghệ thông tin
35	Nguyễn Thái Linh	Tiến sĩ		Công nghệ thông tin
36	Nguyễn Thanh Toàn	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
37	Nguyễn Thế Vinh	Tiến sĩ		Công nghệ thông tin
38	Nguyễn Thị Thanh Giang	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
39	Nguyễn Thị Thanh Yên	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
40	Nguyễn Thu Hường	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
41	Nguyễn Trần Hiếu	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
42	Nguyễn Trọng Phúc	Tiến sĩ		Công nghệ thông tin
43	Nguyễn Văn Hoàng	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Công nghệ thông tin

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
44	Nguyễn Văn Kiên	Tiến sĩ		Công nghệ thông tin
45	Nguyễn Văn Long	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Công nghệ thông tin
46	Nguyễn Việt Hưng	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
47	Phạm Đình Phong	Tiến sĩ		Công nghệ thông tin
48	Phạm Hoàng Kiên	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Công nghệ thông tin
49	Phạm Thanh Hà	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
50	Phạm Thanh Hà	Tiến sĩ		Công nghệ thông tin
51	Phạm Xuân Tích	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
52	Phan Thị Thu Hiền	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
53	Phí Hồng Thịnh	Tiến sĩ		Công nghệ thông tin
54	Phí Thị Vân Anh	Tiến sĩ		Công nghệ thông tin
55	Tiêu Thị Ngọc Dung	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
56	Trần Thanh Hải	Tiến sĩ		Công nghệ thông tin
57	Trần Thế Hiệp	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
58	Trần Thị Thu Hiền	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
59	Trần Văn Long	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Công nghệ thông tin
60	Trần Vũ Hiếu	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
61	Trịnh Thị Hiếu	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
62	Vũ Huân	Tiến sĩ		Công nghệ thông tin
63	Lê Thị Thúy Nga	Tiến sĩ		Hệ thống giao thông thông minh
64	Nguyễn Hương Linh	Đại học		Hệ thống giao thông thông minh
65	Nguyễn Ngọc Quang	Thạc sĩ		Hệ thống giao thông thông minh
66	Nguyễn Thanh Hải	Thạc sĩ		Hệ thống giao thông thông minh
67	Chu Văn An	Thạc sĩ		Kế toán
68	Đặng Thị Yên	Thạc sĩ		Kế toán
69	Đặng Thu Thủy	Thạc sĩ		Kế toán
70	Đặng Văn An	Thạc sĩ		Kế toán
71	Đỗ Hồng Hải	Thạc sĩ		Kế toán
72	Đỗ Minh Ngọc	Thạc sĩ		Kế toán
73	Hoàng Nam Bình	Tiến sĩ		Kế toán

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
74	Hoàng Thuỳ Linh	Thạc sĩ		Kế toán
75	Hoàng Văn Tuấn	Thạc sĩ		Kế toán
76	Lê Thị Thu Giang	Thạc sĩ		Kế toán
77	Mai Thị Trang	Thạc sĩ		Kế toán
78	Nguyễn Bá Hậu	Thạc sĩ		Kế toán
79	Nguyễn Đăng Hanh	Tiến sĩ		Kế toán
80	Nguyễn Duy Tuấn	Thạc sĩ		Kế toán
81	Nguyễn Thanh Nga	Thạc sĩ		Kế toán
82	Nguyễn Thị Huệ	Thạc sĩ		Kế toán
83	Nguyễn Thị Huyền	Thạc sĩ		Kế toán
84	Nguyễn Văn Điệp	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kế toán
85	Phạm Hằng Nga	Thạc sĩ		Kế toán
86	Phạm Minh Trang	Thạc sĩ		Kế toán
87	Phạm Thị Kim Ngân	Tiến sĩ		Kế toán
88	Phạm Thị Lan Anh	Tiến sĩ		Kế toán
89	Phạm Thị Thảo	Thạc sĩ		Kế toán
90	Phạm Thị Thu Hằng	Thạc sĩ		Kế toán
91	Phạm Thu Giang	Thạc sĩ		Kế toán
92	Trần Thị Hồng Bích	Thạc sĩ		Kế toán
93	Trần Thị Thơm	Thạc sĩ		Kế toán
94	Trịnh Minh Hải	Tiến sĩ		Kế toán
95	Trịnh Thanh Thủy	Thạc sĩ		Kế toán
96	Vũ Ngọc Tú	Thạc sĩ		Kế toán
97	Vũ Nguyên Thành	Thạc sĩ		Kế toán
98	Đặng Việt Tuấn	Thạc sĩ		Khai thác vận tải
99	Hoa Ngọc Minh	Thạc sĩ		Khai thác vận tải
100	Lâm Quốc Đạt	Tiến sĩ		Khai thác vận tải
101	Lê Hoàng	Thạc sĩ		Khai thác vận tải
102	Lê Xuân Trường	Tiến sĩ		Khai thác vận tải
103	Lương Tuấn Anh	Thạc sĩ		Khai thác vận tải

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
104	Nguyễn Minh Hiếu	Tiến sĩ		Khai thác vận tải
105	Nguyễn Thế Tấn	Tiến sĩ		Khai thác vận tải
106	Nguyễn Thị Hồng Mai	Tiến sĩ		Khai thác vận tải
107	Nguyễn Thị Hương Giang	Tiến sĩ		Khai thác vận tải
108	Nguyễn Thị Như	Thạc sĩ		Khai thác vận tải
109	Nguyễn Thị Tâm	Thạc sĩ		Khai thác vận tải
110	Phạm Minh Phúc	Thạc sĩ		Khai thác vận tải
111	Phạm Thị Ba Liên	Tiến sĩ		Khai thác vận tải
112	Phan Văn Nam	Thạc sĩ		Khai thác vận tải
113	Tổng Anh Tuấn	Tiến sĩ		Khai thác vận tải
114	Trần Minh Ngọc	Thạc sĩ		Khai thác vận tải
115	Trần Thị Lan Hương	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Khai thác vận tải
116	Trần Văn Giang	Thạc sĩ		Khai thác vận tải
117	Vũ Thị Hương	Thạc sĩ		Khai thác vận tải
118	Đình Công Tùng	Thạc sĩ		Khoa học máy tính
119	Hoàng Văn Thông	Tiến sĩ		Khoa học máy tính
120	Nguyễn Đức Vinh	Tiến sĩ		Khoa học máy tính
121	Nguyễn Hà Trang	Đại học		Khoa học máy tính
122	Phạm Thị Thanh Thủy	Thạc sĩ		Khoa học máy tính
123	Trần Thị Thúy	Thạc sĩ		Khoa học máy tính
124	Vũ Hiệp	Đại học		Khoa học máy tính
125	Bùi Thị Thanh Vân	Thạc sĩ		Kinh tế
126	Bùi Thúy Hồng	Thạc sĩ		Kinh tế
127	Đoàn Thanh Tân	Tiến sĩ		Kinh tế
128	Đông Văn Thảo	Thạc sĩ		Kinh tế
129	Hoàng Thị Minh Hải	Thạc sĩ		Kinh tế
130	Nguyễn Đăng Quang	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kinh tế
131	Nguyễn Đức Bình	Thạc sĩ		Kinh tế
132	Nguyễn Hoàng Mai	Thạc sĩ		Kinh tế
133	Nguyễn Thị Thanh Nga	Thạc sĩ		Kinh tế

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
134	Nguyễn Tuấn Bình	Thạc sĩ		Kinh tế
135	Nguyễn Văn Khoa	Thạc sĩ		Kinh tế
136	Phạm Đức Tuấn	Đại học		Kinh tế
137	Trần Quang Chí	Thạc sĩ		Kinh tế
138	Vũ Trọng Tích	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kinh tế
139	Đình Hữu Tài	Thạc sĩ		Kinh tế vận tải
140	Hoàng Thị Hà	Tiến sĩ		Kinh tế vận tải
141	Kiều Thị Hương Giang	Thạc sĩ		Kinh tế vận tải
142	Lê Quân	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kinh tế vận tải
143	Lê Thị Hà	Tiến sĩ		Kinh tế vận tải
144	Lê Thị Thanh Hằng	Thạc sĩ		Kinh tế vận tải
145	Lê Thị Việt Hà	Tiến sĩ		Kinh tế vận tải
146	Lê Văn Thọ	Tiến sĩ		Kinh tế vận tải
147	Nguyễn Hà Anh	Thạc sĩ		Kinh tế vận tải
148	Nguyễn Minh Hoàng Sơn	Thạc sĩ		Kinh tế vận tải
149	Nguyễn Thị Hoài An	Tiến sĩ		Kinh tế vận tải
150	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kinh tế vận tải
151	Nguyễn Thị Thùy Dung	Thạc sĩ		Kinh tế vận tải
152	Nguyễn Tiến Quý	Tiến sĩ		Kinh tế vận tải
153	Phan Nguyễn Hoài Nam	Thạc sĩ		Kinh tế vận tải
154	Trần Thu Phương	Thạc sĩ		Kinh tế vận tải
155	Từ Sỹ Sùa	Tiến sĩ	Giáo sư	Kinh tế vận tải
156	Vũ Thị An Ninh	Tiến sĩ		Kinh tế vận tải
157	Đặng Thị Xuân Mai	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kinh tế xây dựng
158	Đình Trọng Hùng	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
159	Hoàng Mạnh Cường	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
160	Lã Ngọc Minh	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
161	Lê Khánh Chi	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
162	Lê Minh Ngọc	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
163	Lê Quang Hanh	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kinh tế xây dựng

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
164	Lê Thị Hồng Vân	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
165	Luyện Xuân Hoàng	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
166	Mai Quang Huy	Tiến sĩ		Kinh tế xây dựng
167	Nguyễn Anh Tuấn	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
168	Nguyễn Đăng Phóng	Tiến sĩ		Kinh tế xây dựng
169	Nguyễn Đức Tiến	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
170	Nguyễn Huy Hùng	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
171	Nguyễn Lương Hải	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kinh tế xây dựng
172	Nguyễn Ngọc Duy	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
173	Nguyễn Phương Vân	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
174	Nguyễn Quỳnh Sang	Tiến sĩ		Kinh tế xây dựng
175	Nguyễn Tài Duy	Tiến sĩ		Kinh tế xây dựng
176	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
177	Phạm Thị Tuyết	Tiến sĩ		Kinh tế xây dựng
178	Phạm Văn Ký	Tiến sĩ	Giáo sư	Kinh tế xây dựng
179	Trịnh Thị Tâm	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
180	Trịnh Thị Trang	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
181	Đinh Thị Thanh Huyền	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật cơ điện tử
182	Lê Lăng Vân	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ điện tử
183	Ngô Đức Chinh	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ điện tử
184	Ngô Văn Minh	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật cơ điện tử
185	Nguyễn Thanh Lịch	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ điện tử
186	Nguyễn Thị Thu Hoa	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ điện tử
187	Nguyễn Văn Vịnh	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật cơ điện tử
188	Phạm Hoàng Vương	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ điện tử
189	Phạm Xuân Hiền	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ điện tử
190	Thái Thị Kim Chi	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ điện tử
191	Trịnh Tuấn Dương	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ điện tử
192	Vũ Bá Thành	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ điện tử
193	Vũ Mạnh Hùng	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ điện tử

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
194	An Tri Tân	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí
195	Bùi Văn Hưng	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ khí
196	Bùi Văn Phú	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí
197	Đặng Văn Anh	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí
198	Đào Việt Cường	Đại học		Kỹ thuật cơ khí
199	Đỗ Văn Trấn	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí
200	Đoàn Thị Thúy Phượng	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ khí
201	Dur Thị Thu Trang	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí
202	Hoàng Thị Tuyết	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí
203	Lại Thị Hoan	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ khí
204	Lê Đức Thắng	Đại học		Kỹ thuật cơ khí
205	Lê Toàn Thắng	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí
206	Ngô Anh Vũ	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ khí
207	Nguyễn Cao Văn	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí
208	Nguyễn Diệu Thúy	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí
209	Nguyễn Đức Văn	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí
210	Nguyễn Hữu Luân	Đại học		Kỹ thuật cơ khí
211	Nguyễn Ích Hải	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí
212	Nguyễn Lê Minh Đăng	Đại học		Kỹ thuật cơ khí
213	Nguyễn Ngọc Hà	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí
214	Nguyễn Ngọc Trung	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ khí
215	Nguyễn Phương Lan	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí
216	Nguyễn Quang Anh	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ khí
217	Nguyễn Sỹ Bảo Chung	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí
218	Nguyễn Thái Sơn	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí
219	Nguyễn Thị Hiếu Thảo	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí
220	Nguyễn Thị Mai	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật cơ khí
221	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí
222	Nguyễn Thìn Quỳnh	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ khí
223	Nguyễn Văn Cường	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật cơ khí

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
224	Nguyễn Văn Điệp	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí
225	Nguyễn Văn Hào	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí
226	Nguyễn Văn Hương	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí
227	Phạm Đức Thành	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí
228	Phạm Hà Phương	Đại học		Kỹ thuật cơ khí
229	Phạm Thị Phương Mai	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí
230	Trần Ngọc Hiền	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật cơ khí
231	Trần Ngọc Tú	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí
232	Trần Thị Vân Nga	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ khí
233	Trương Văn Hiệp	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí
234	Vũ Thanh Hiền	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí
235	Vũ Xuân Vịnh	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí
236	Đặng Hồng Lam	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ khí động lực
237	Đỗ Việt Dũng	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật cơ khí động lực
238	Đoàn Văn Tú	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ khí động lực
239	Kiều Công Thành	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí động lực
240	Lê Văn Học	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật cơ khí động lực
241	Lương Đức Chung	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí động lực
242	Mai Văn Thắm	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ khí động lực
243	Nguyễn Đình Phương	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí động lực
244	Nguyễn Đức Toàn	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí động lực
245	Nguyễn Quang Minh	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ khí động lực
246	Nguyễn Thùy Chi	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ khí động lực
247	Nguyễn Trung Hiếu	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí động lực
248	Nguyễn Văn Thuyên	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ khí động lực
249	Phạm Huy Khương	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí động lực
250	Phạm Lê Tiến	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ khí động lực
251	Phạm Văn Tiến	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ khí động lực
252	Tào Văn Chiến	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ khí động lực
253	Vũ Duy Đức	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ khí động lực

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
254	Vũ Thị Hoài Thu	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ khí động lực
255	Lê Xuân Quý	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
256	Lương Thanh Bình	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
257	Mai Văn Hiếu	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
258	Nguyễn Thị Kim Khuê	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
259	Nguyễn Xuân Tuyên	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ sở hạ tầng
260	An Thị Hoài Thu Anh	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện
261	Bùi Thị Vân	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện
262	Đặng Việt Phúc	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện
263	Hồ Mạnh Tiến	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện
264	Lê Ngọc Cương	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện
265	Lê Thị Thu Phương	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện
266	Lê Thị Thúy Hồng	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện
267	Lê Văn Tùng	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện
268	Ngô Thị Kim Thanh	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện
269	Nguyễn Chí Kiên	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện
270	Nguyễn Đức Khương	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện
271	Nguyễn Tuấn Phương	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện
272	Nguyễn Văn Hải	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện
273	Nguyễn Văn Nghĩa	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật điện
274	Phạm Thu Trang	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện
275	Trần Thị Chanh	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện
276	Trần Văn Khôi	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện
277	Võ Thanh Hà	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện
278	Vũ Duy Nghĩa	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện
279	Bùi Tuấn Anh	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
280	Chử Hoài Nam	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
281	Đàm Mỹ Hạnh	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
282	Đặng Văn Hiếu	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
283	Đào Thanh Toán	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật điện tử - viễn thông

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
284	Đỗ Việt Hà	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
285	Đỗ Xuân Thiệu	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
286	Hồ Thành Trung	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
287	Hoàng Quốc Khánh	Đại học		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
288	Lã Quý Đô	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
289	Lê Minh Tuấn	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
290	Lê Thị Vân Anh	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
291	Lương Thị Thu Hường	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
292	Lương Văn An	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
293	Mai Thị Thu Hương	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
294	Nghiêm Xuân Anh	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
295	Ngô Thanh Bình	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
296	Nguyễn Cảnh Minh	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
297	Nguyễn Châu Lân	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
298	Nguyễn Diệu Linh	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
299	Nguyễn Đình Dũng	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
300	Nguyễn Đức Toàn	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
301	Nguyễn Thanh Hải	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
302	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
303	Nguyễn Thị Thanh Hải	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
304	Nguyễn Thúy Bình	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
305	Nguyễn Trung Hiếu	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
306	Nguyễn Trung Thành	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
307	Nguyễn Văn Khởi	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
308	Nguyễn Yên Chi	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
309	Phạm Hồng Quân	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
310	Phạm Thanh Huyền	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
311	Phạm Thị Xuân	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
312	Trần Đức Trung	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
313	Trần Hoài Trung	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
314	Trần Mạnh Cường	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
315	Trần Quang Thanh	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
316	Trần Thị Lan	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
317	Trần Văn Hưng	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
318	Trần Việt Hưng	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
319	Trịnh Quang Khải	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
320	Võ Quang Sơn	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
321	Vũ Hoàng Hoa	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
322	Vũ Ngọc Quý	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
323	Vũ Thị Thanh Phúc	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
324	Bùi Vĩnh Phúc	Thạc sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
325	Cồ Như Văn	Thạc sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
326	Cù Thị Thục Anh	Thạc sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
327	Đặng Hà Dũng	Thạc sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
328	Đinh Như Lê	Thạc sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
329	Đỗ Văn Thăng	Thạc sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
330	Đỗ Xuân Quý	Thạc sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
331	Hà Văn Quân	Thạc sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
332	Lê Hùng Lân	Tiến sĩ	Giáo sư	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
333	Lê Thanh Tâm	Thạc sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
334	Lê Xuân Lưu	Tiến sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
335	Ngô Ngọc Quý	Tiến sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
336	Nguyễn Công Định	Tiến sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
337	Nguyễn Duy Việt	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
338	Nguyễn Hoàng Vân	Tiến sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
339	Nguyễn Thị Hòa	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
340	Nguyễn Trung Dũng	Thạc sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
341	Nguyễn Trường Giang	Tiến sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
342	Nguyễn Tuấn Sơn	Tiến sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
343	Nguyễn Văn Tiềm	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
344	Phạm Thị Lý	Tiến sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
345	Phí Văn Lâm	Tiến sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
346	Tạ Thị Hiền	Tiến sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
347	Trần Ngọc Tú	Tiến sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
348	Trịnh Thị Hương	Tiến sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
349	Trương Tuấn An	Thạc sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
350	Vũ Thị Minh Phương	Thạc sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
351	Cao Minh Quý	Tiến sĩ		Kỹ thuật môi trường
352	Đoàn Danh Cường	Thạc sĩ		Kỹ thuật môi trường
353	Nguyễn Thị Yến Liên	Tiến sĩ		Kỹ thuật môi trường
354	Nguyễn Xuân Hiền	Tiến sĩ		Kỹ thuật môi trường
355	Thân Thị Hải Yến	Thạc sĩ		Kỹ thuật môi trường
356	Vũ Kim Hạnh	Thạc sĩ		Kỹ thuật môi trường
357	Vũ Tuấn Lâm	Đại học		Kỹ thuật môi trường
358	Vũ Văn Khoát	Thạc sĩ		Kỹ thuật môi trường
359	Bùi Vũ Hùng	Thạc sĩ		Kỹ thuật nhiệt
360	Hoàng Hải Long	Thạc sĩ		Kỹ thuật nhiệt
361	Nguyễn Anh Ngọc	Tiến sĩ		Kỹ thuật nhiệt
362	Nguyễn Đăng Khoát	Tiến sĩ		Kỹ thuật nhiệt
363	Nguyễn Phi Hùng	Tiến sĩ		Kỹ thuật nhiệt
364	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Thạc sĩ		Kỹ thuật nhiệt
365	Nguyễn Thị Thùy Dung	Thạc sĩ		Kỹ thuật nhiệt
366	Nguyễn Văn Dũng	Đại học		Kỹ thuật nhiệt
367	Phạm Anh Tuấn	Thạc sĩ		Kỹ thuật nhiệt
368	Phạm Văn Khá	Thạc sĩ		Kỹ thuật nhiệt
369	Phan Thế Lượng	Tiến sĩ		Kỹ thuật nhiệt
370	Quách Duy Trường	Tiến sĩ		Kỹ thuật nhiệt
371	Trần Thị Thu Hà	Thạc sĩ		Kỹ thuật nhiệt
372	Trần Văn Bảy	Thạc sĩ		Kỹ thuật nhiệt
373	Trương Minh Thắng	Tiến sĩ		Kỹ thuật nhiệt

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
374	Vũ Thị Xuân	Thạc sĩ		Kỹ thuật nhiệt
375	Vũ Văn Trung	Tiến sĩ		Kỹ thuật nhiệt
376	Bùi Thanh Danh	Tiến sĩ		Kỹ thuật ô tô
377	Bùi Thị Mai Anh	Tiến sĩ		Kỹ thuật ô tô
378	Chu Tiến Dũng	Tiến sĩ		Kỹ thuật ô tô
379	Đào Mạnh Hùng	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật ô tô
380	Đỗ Khắc Sơn	Thạc sĩ		Kỹ thuật ô tô
381	Khương Thị Hà	Tiến sĩ		Kỹ thuật ô tô
382	Lê Công Báo	Thạc sĩ		Kỹ thuật ô tô
383	Lê Hoài Đức	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật ô tô
384	Lê Nguyễn Thanh Hương	Thạc sĩ		Kỹ thuật ô tô
385	Ngô Quang Dự	Tiến sĩ		Kỹ thuật ô tô
386	Nguyễn Bính	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật ô tô
387	Nguyễn Đình Tứ	Tiến sĩ		Kỹ thuật ô tô
388	Nguyễn Đức Trung	Thạc sĩ		Kỹ thuật ô tô
389	Nguyễn Hồng Quân	Thạc sĩ		Kỹ thuật ô tô
390	Nguyễn Lâm Khánh	Tiến sĩ		Kỹ thuật ô tô
391	Nguyễn Quang Cường	Thạc sĩ		Kỹ thuật ô tô
392	Nguyễn Thành Công	Thạc sĩ		Kỹ thuật ô tô
393	Nguyễn Thành Công	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật ô tô
394	Nguyễn Thiết Lập	Tiến sĩ		Kỹ thuật ô tô
395	Nguyễn Thoại Anh	Tiến sĩ		Kỹ thuật ô tô
396	Nguyễn Tuấn Anh	Thạc sĩ		Kỹ thuật ô tô
397	Nguyễn Tùng Lâm	Tiến sĩ		Kỹ thuật ô tô
398	Nguyễn Văn Bang	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật ô tô
399	Phạm Tất Thắng	Tiến sĩ		Kỹ thuật ô tô
400	Phạm Thị Toan	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật ô tô
401	Phạm Trọng Hòa	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật ô tô
402	Tạ Quốc Việt	Thạc sĩ		Kỹ thuật ô tô
403	Tạ Thị Thanh Huyền	Thạc sĩ		Kỹ thuật ô tô

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
404	Trần Thúy Nga	Tiến sĩ		Kỹ thuật ô tô
405	Trần Văn Như	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật ô tô
406	Trương Mạnh Hùng	Tiến sĩ		Kỹ thuật ô tô
407	Vũ Tuấn Đạt	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật ô tô
408	Vũ Văn Tân	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật ô tô
409	Vũ Xuân Thiệp	Thạc sĩ		Kỹ thuật ô tô
410	Đặng Xuân Ngọc	Thạc sĩ		Kỹ thuật robot và trí tuệ nhân tạo
411	Ngô Thị Thuý Hằng	Thạc sĩ		Kỹ thuật robot và trí tuệ nhân tạo
412	Nguyễn Thị Cúc	Thạc sĩ		Kỹ thuật robot và trí tuệ nhân tạo
413	Ninh Khắc Tôn	Thạc sĩ		Kỹ thuật robot và trí tuệ nhân tạo
414	Trịnh Lương Miên	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật robot và trí tuệ nhân tạo
415	Trịnh Văn Mỹ	Thạc sĩ		Kỹ thuật robot và trí tuệ nhân tạo
416	Vũ Thị Nga	Thạc sĩ		Kỹ thuật robot và trí tuệ nhân tạo
417	Vũ Trọng Thuật	Thạc sĩ		Kỹ thuật robot và trí tuệ nhân tạo
418	Bùi Trọng Cầu	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng
419	Đặng Hoài Nam	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
420	Đặng Thị Thu Thảo	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
421	Đặng Thùy Chi	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng
422	Đỗ Văn Bình	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng
423	Hồ Thị Hoài	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng
424	Lê Cảnh Hưng	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
425	Lê Đăng Dũng	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
426	Lê Minh Cường	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng
427	Lê Thanh Hà	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng
428	Lê Thu Trang	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
429	Lương Xuân Bính	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng
430	Mai Đình Lộc	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
431	Ngô Đăng Quang	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng
432	Ngô Như Đức	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
433	Nguyễn Bảo Lâm	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
434	Nguyễn Danh Toàn	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
435	Nguyễn Đình Hải	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng
436	Nguyễn Duy Mạnh	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
437	Nguyễn Hoàng Quân	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng
438	Nguyễn Huy Cường	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng
439	Nguyễn Long	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
440	Nguyễn Ngọc Lâm	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng
441	Nguyễn Thanh Sang	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng
442	Nguyễn Thị Hồng	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
443	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
444	Nguyễn Tiến Dũng	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng
445	Nguyễn Tiến Dũng	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
446	Nguyễn Tuấn Anh	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng
447	Nguyễn Xuân Huy	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng
448	Phạm Văn Phê	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng
449	Thái Khắc Chiến	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng
450	Thái Minh Quân	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng
451	Trần Bảo Việt	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng
452	Trần Quang Tuấn	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
453	Trương Văn Quyết	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
454	Vũ Văn Hiệp	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
455	Vũ Việt Cường	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng
456	Bùi Đức Chính	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
457	Bùi Tiến Thành	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
458	Bùi Xuân Cây	Tiến sĩ	Giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
459	Đặng Minh Tân	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
460	Đặng Thu Hương	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
461	Đào Duy Lâm	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
462	Đỗ Anh Tú	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
463	Đỗ Quốc Cường	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
464	Đỗ Vương Vinh	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
465	Hồ Thị Lan Hương	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
466	Hồ Xuân Nam	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
467	Hoàng Hà	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
468	Hoàng Việt Hải	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
469	Lê Hải Hà	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
470	Lê Vĩnh An	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
471	Lương Xuân Chiêu	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
472	Mai Hải Đăng	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
473	Nguyễn Anh Dân	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
474	Nguyễn Anh Tuấn	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
475	Nguyễn Đắc Đức	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
476	Nguyễn Đức Dũng	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
477	Nguyễn Duy Tiến	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
478	Nguyễn Huệ Chi	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
479	Nguyễn Hữu Hưng	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
480	Nguyễn Lan Anh	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
481	Nguyễn Ngọc Lân	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
482	Nguyễn Ngọc Long	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
483	Nguyễn Quang Phúc	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
484	Nguyễn Quang Tuấn	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
485	Nguyễn Thạch Bích	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
486	Nguyễn Thành Trung	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
487	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
488	Nguyễn Thị Mi Trà	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
489	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
490	Nguyễn Văn Hậu	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
491	Nguyễn Văn Vĩnh	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
492	Nguyễn Việt Thanh	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
493	Phạm Duy Anh	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
494	Phạm Vũ Hà	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
495	Thẩm Quốc Thắng	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
496	Trần Anh Tuấn	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
497	Trần Danh Hợi	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
498	Trần Khắc Dương	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
499	Trần Ngọc Hòa	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
500	Trần Thế Truyền	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
501	Trần Thị Bích Thảo	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
502	Trần Thị Cẩm Hà	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
503	Trần Thị Kim Đăng	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
504	Trần Thị Thu Hà	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
505	Trần Thị Thu Hằng	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
506	Trần Việt Hùng	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
507	Vũ Đức Sỹ	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
508	Nguyễn Hà Linh	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình thủy
509	Nguyễn Thị Bạch Dương	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy
510	Vũ Hoàng Khôi	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình thủy
511	An Minh Ngọc	Tiến sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
512	Đặng Xuân Cung	Đại học		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
513	Đinh Thị Thanh Bình	Tiến sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
514	Doãn Thị Nội	Tiến sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
515	Dương Hữu Tuyển	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
516	Lê Hà Linh	Thạc sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
517	Lê Thu Huyền	Tiến sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
518	Nguyễn Ngọc Thoa	Thạc sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
519	Nguyễn Thanh Tú	Tiến sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
520	Nguyễn Thị Thùy Dương	Thạc sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
521	Nguyễn Văn Toàn	Thạc sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
522	Nguyễn Văn Trường	Tiến sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
523	Phạm Tiến Dũng	Thạc sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
524	Trần Thị Thảo	Thạc sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
525	Vũ Anh Tuấn	Thạc sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
526	Vũ Ngọc Linh	Tiến sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
527	Vũ Thị Hương	Thạc sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
528	Nguyễn Bá Đồng	Thạc sĩ		Quản lý đô thị và công trình
529	Nguyễn Mạnh Hải	Đại học		Quản lý đô thị và công trình
530	Nguyễn Thị Hậu	Tiến sĩ		Quản lý đô thị và công trình
531	Nguyễn Văn Thịnh	Đại học		Quản lý đô thị và công trình

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
532	Nguyễn Xuân Lam	Tiến sĩ		Quản lý đô thị và công trình
533	Trần Trung Dũng	Thạc sĩ		Quản lý đô thị và công trình
534	Võ Thị Hồng Minh	Thạc sĩ		Quản lý đô thị và công trình
535	Bùi Ngọc Toàn	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Quản lý xây dựng
536	Cao Phương Thảo	Thạc sĩ		Quản lý xây dựng
537	Đặng Thị Thùy Dung	Thạc sĩ		Quản lý xây dựng
538	Hoàng Hải Yến	Thạc sĩ		Quản lý xây dựng
539	Lê Anh Đức	Thạc sĩ		Quản lý xây dựng
540	Lê Kim Nhung	Thạc sĩ		Quản lý xây dựng
541	Lê Thị Hòa	Tiến sĩ		Quản lý xây dựng
542	Nguyễn Hoàng Tùng	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Quản lý xây dựng
543	Nguyễn Hữu Vương	Thạc sĩ		Quản lý xây dựng
544	Nguyễn Quang Hiến	Thạc sĩ		Quản lý xây dựng
545	Nguyễn Thị Hương	Thạc sĩ		Quản lý xây dựng
546	Nguyễn Văn Dụng	Thạc sĩ		Quản lý xây dựng
547	Nguyễn Văn Hiệp	Tiến sĩ		Quản lý xây dựng
548	Phan Thị Hiền	Thạc sĩ		Quản lý xây dựng
549	Vũ Minh Hằng	Tiến sĩ		Quản lý xây dựng
550	Vũ Quang Huy	Thạc sĩ		Quản lý xây dựng
551	Bạch Thị Thanh	Thạc sĩ		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
552	Hà Thanh Tùng	Thạc sĩ		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
553	Hoàng Hải Sơn	Thạc sĩ		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
554	Lê Tất Lợi	Thạc sĩ		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
555	Nguyễn Thanh Chương	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
556	Nguyễn Thị Phương	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
557	Nguyễn Việt Tiên	Thạc sĩ		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
558	Thạch Minh Quân	Tiến sĩ		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
559	Trần Văn Tuyên	Thạc sĩ		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
560	Bùi Thanh Tùng	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
561	Bùi Tiên Thiêm	Tiến sĩ		Quản trị kinh doanh

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
562	Chu Tổng Khánh Linh	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
563	Đình Trung Hiếu	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
564	Đoàn Trọng Ninh	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
565	Đới Thị Huyền Thư	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
566	Hoàng Thị Xuân	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
567	Lê Hải Linh	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
568	Lê Thùy Linh	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
569	Ngô Thị Hiền Anh	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
570	Nguyễn Cao Ý	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Quản trị kinh doanh
571	Nguyễn Hồng Thái	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Quản trị kinh doanh
572	Nguyễn Thị Hải Hà	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
573	Nguyễn Thị Hồng Tuyền	Tiến sĩ		Quản trị kinh doanh
574	Nguyễn Thị Loan	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
575	Nguyễn Thị Mơ	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
576	Nguyễn Thị Quyên	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
577	Nguyễn Thị Thu Hà	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
578	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Tiến sĩ		Quản trị kinh doanh
579	Nguyễn Thị Vân Hà	Tiến sĩ		Quản trị kinh doanh
580	Phạm Anh Tuấn	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
581	Phạm Chu Thùy Dương	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
582	Trần Quang Bằng	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
583	Từ Thị Hoài Thu	Tiến sĩ		Quản trị kinh doanh
584	Vũ Thu Hằng	Tiến sĩ		Quản trị kinh doanh
585	Chu Kiều Linh	Thạc sĩ		Tài chính - Ngân hàng
586	Đình Minh Tân	Thạc sĩ		Tài chính - Ngân hàng
587	Hồ Xuân Tú	Thạc sĩ		Tài chính - Ngân hàng
588	Nguyễn Thị Thu Hương	Thạc sĩ		Tài chính - Ngân hàng
589	Phạm Ngọc Hải	Tiến sĩ		Tài chính - Ngân hàng
590	Trần Thị Nguyệt Hằng	Thạc sĩ		Tài chính - Ngân hàng
591	Trần Thu Hà	Tiến sĩ		Tài chính - Ngân hàng

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
592	Đặng Thị Mai	Tiến sĩ		Toán ứng dụng
593	Đỗ Thị Phương Thuý	Thạc sĩ		Toán ứng dụng
594	Lê Hồng Lan	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Toán ứng dụng
595	Mai Nam Phong	Tiến sĩ		Toán ứng dụng
596	Mai Phước Bình	Thạc sĩ		Toán ứng dụng
597	Nguyễn Anh Ngọc	Thạc sĩ		Toán ứng dụng
598	Nguyễn Hải Hà	Thạc sĩ		Toán ứng dụng

Phận hiệu tại Thành phố Hồ Chí Minh

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
1	Trần Thị Thanh Loan	Thạc sĩ		Kinh tế
2	Nguyễn Thiện Dương	Đại học		Kinh tế
3	Nguyễn Thị Nhật Linh	Thạc sĩ		Kinh tế
4	Phạm Văn Lương	Thạc sĩ		Kinh tế
5	Vũ Thị Hiên	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
6	Trần Thị Thanh Loan	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
7	Lê Văn Dậu	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
8	Hà Thị Thanh	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
9	Thái Thị Xuân Hà	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
10	Vũ Hồng Vân	Tiến sĩ		Quản trị kinh doanh
11	Bùi Phương Anh	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
12	Trần Thị Thu	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
13	Phạm Phú Cường	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Quản trị kinh doanh
14	Đặng Thị Nga	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
15	Trần Quang Đạt	Tiến sĩ		Quản trị kinh doanh
16	Phạm Mỹ Linh	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
17	Nguyễn Thị Nhật Linh	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
18	Nguyễn Quang Sĩ	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
19	Đặng Văn Ôn	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
20	Phạm Văn Lương	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
21	Phạm Mỹ Quyên	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
22	Lê Văn Ninh	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
23	Trần Anh Đạt	Tiến sĩ		Quản trị kinh doanh
24	Bùi Thị Nga	Thạc sĩ		Quản trị kinh doanh
25	Nguyễn Minh Tân	Thạc sĩ		Tài chính - Ngân hàng
26	Vũ Hồng Vận	Tiến sĩ		Tài chính - Ngân hàng
27	Nguyễn Phi Yên	Thạc sĩ		Tài chính - Ngân hàng
28	Đỗ Thị Hải Yến	Tiến sĩ		Tài chính - Ngân hàng
29	Nguyễn Thị Mai	Đại học		Tài chính - Ngân hàng
30	Phạm Thị Hằng	Thạc sĩ		Tài chính - Ngân hàng
31	Trần Quang Đạt	Tiến sĩ		Tài chính - Ngân hàng
32	Nguyễn Thị Hiên	Thạc sĩ		Tài chính - Ngân hàng
33	Vũ Thị Hiên	Thạc sĩ		Kế toán
34	Lê Văn Dậu	Thạc sĩ		Kế toán
35	Nguyễn Minh Tân	Thạc sĩ		Kế toán
36	Hà Thị Thanh	Thạc sĩ		Kế toán
37	Thái Thị Xuân Hà	Thạc sĩ		Kế toán
38	Vũ Hồng Vận	Tiến sĩ		Kế toán
39	Bùi Phương Anh	Thạc sĩ		Kế toán
40	Trần Thị Thu	Thạc sĩ		Kế toán
41	Phạm Phú Cường	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kế toán
42	Nguyễn Phi Yên	Thạc sĩ		Kế toán
43	Đặng Thị Nga	Thạc sĩ		Kế toán
44	Đỗ Thị Hải Yến	Tiến sĩ		Kế toán
45	Trần Quang Đạt	Tiến sĩ		Kế toán

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
46	Phạm Mỹ Linh	Thạc sĩ		Kế toán
47	Đậu Thị Hoài Nam	Thạc sĩ		Kế toán
48	Nguyễn Quang Sĩ	Thạc sĩ		Kế toán
49	Đặng Văn Ôn	Thạc sĩ		Kế toán
50	Phạm Mỹ Quyên	Thạc sĩ		Kế toán
51	Lê Văn Ninh	Thạc sĩ		Kế toán
52	Nguyễn Thị Hiên	Thạc sĩ		Kế toán
53	Bùi Thị Nga	Thạc sĩ		Kế toán
54	Trần Quang Hải Bằng	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
55	Hà Thị Thanh	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
56	Thái Thị Xuân Hà	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
57	Nguyễn Thanh Thoa	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
58	Tổng Kim Đông	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
59	Trần Phong Nhã	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
60	Phạm Thị Miên	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
61	Lê Thị Thi Hạ	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
62	Trần Thị Dung	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
63	Võ Thị Bích Trâm	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
64	Nguyễn Thị Thái Hà	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin
65	Trần Thị Thanh Loan	Thạc sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
66	Trịnh Thị Thanh	Thạc sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
67	Tổng Kim Đông	Thạc sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
68	Vũ Hồng Vận	Tiến sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
69	Cao Minh Nam	Thạc sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
70	Nguyễn Thị Thanh Hương	Tiến sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
71	Nguyễn Thị Mai	Đại học		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
72	Nguyễn Văn Dũng	Thạc sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
73	Trần Quang Đạt	Tiến sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
74	Phan Thị Hiền Anh	Thạc sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
75	Hà Ngọc Huy	Thạc sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
76	Huỳnh Thị Thúy Kiều	Thạc sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
77	Lê Thị Thi Hạ	Thạc sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
78	Phạm Văn Lương	Thạc sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
79	Trần Thị Dung	Thạc sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
80	Nguyễn Thị Thái Hà	Thạc sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
81	Nguyễn Kim Vũ Bảo	Thạc sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
82	Trần Anh Đạt	Tiến sĩ		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
83	Phạm Nguyễn Quỳnh Hương	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ điện tử
84	Nguyễn Mạnh Hùng	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ điện tử
85	Hà Thị Thanh	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ điện tử
86	Thái Thị Xuân Hà	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ điện tử
87	Nguyễn Hữu Hào	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ điện tử
88	Lê Gia Khuyến	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ điện tử
89	Cao Minh Nam	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ điện tử
90	Nguyễn Thiện Dương	Đại học		Kỹ thuật cơ điện tử
91	Vũ Văn Định	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ điện tử
92	Hà Ngọc Huy	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ điện tử
93	Nguyễn Văn Dũng	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ điện tử
94	Nguyễn Kim Vũ Bảo	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ điện tử
95	Nguyễn Minh Hạ	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ điện tử
96	Nguyễn Hữu Chí	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ khí động lực

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
97	Phạm Nguyễn Quỳnh Hương	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí động lực
98	Nguyễn Mạnh Hùng	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ khí động lực
99	Nguyễn Hữu Hào	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ khí động lực
100	Trần Văn Lợi	Tiến sĩ		Kỹ thuật cơ khí động lực
101	Hà Ngọc Huy	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí động lực
102	Nguyễn Văn Dũng	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí động lực
103	Nguyễn Kim Vũ Bảo	Thạc sĩ		Kỹ thuật cơ khí động lực
104	Nguyễn Hữu Chí	Tiến sĩ		Kỹ thuật ô tô
105	Nguyễn Đức Trọng	Tiến sĩ		Kỹ thuật ô tô
106	Nguyễn Minh Tân	Thạc sĩ		Kỹ thuật ô tô
107	Trần Quang Hải Bằng	Thạc sĩ		Kỹ thuật ô tô
108	Nguyễn Thanh Thoa	Thạc sĩ		Kỹ thuật ô tô
109	Trần Văn Lợi	Tiến sĩ		Kỹ thuật ô tô
110	Trịnh Thị Thanh	Thạc sĩ		Kỹ thuật ô tô
111	Hồ Việt Long	Tiến sĩ		Kỹ thuật ô tô
112	Trần Phong Nhã	Thạc sĩ		Kỹ thuật ô tô
113	Nguyễn Phi Yên	Thạc sĩ		Kỹ thuật ô tô
114	Phạm Thị Miên	Thạc sĩ		Kỹ thuật ô tô
115	Vũ Văn Định	Thạc sĩ		Kỹ thuật ô tô
116	Phan Thị Hiền Anh	Thạc sĩ		Kỹ thuật ô tô
117	Hà Ngọc Huy	Thạc sĩ		Kỹ thuật ô tô
118	Phạm Ngọc Bảy	Thạc sĩ		Kỹ thuật ô tô
119	Lê Thị Thi Hạ	Thạc sĩ		Kỹ thuật ô tô
120	Võ Thị Bích Trâm	Thạc sĩ		Kỹ thuật ô tô
121	Đỗ Thành Hiếu	Thạc sĩ		Kỹ thuật ô tô
122	Nguyễn Kim Vũ Bảo	Thạc sĩ		Kỹ thuật ô tô

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
123	Nguyễn Minh Hạ	Thạc sĩ		Kỹ thuật ô tô
124	Lê Thị Thu Thủy	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện
125	Trần Huy Thiệp	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện
126	Võ Thiện Lĩnh	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện
127	Ngô Thanh Thủy	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện
128	Nguyễn Minh Tân	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện
129	Trịnh Thị Thanh	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện
130	Nguyễn Phi Yên	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện
131	Phan Thị Hiền Anh	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện
132	Lâm Quang Thái	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện
133	Ngô Thế Anh	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
134	Võ Trường Sơn	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
135	Phạm Bá Hưng	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
136	Hồ Xuân Ba	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
137	Nguyễn Nhật Minh Trị	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
138	Nguyễn Thị Thu Thủy	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
139	Trần Xuân Trường	Tiến sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
140	Bùi Nhật Minh	Đại học		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
141	Ngô Thị Thu Hương	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
142	Mai Vạn Hậu	Đại học		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
143	Lê Văn Ninh	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
144	Lê Mạnh Tuấn	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
145	Bùi Thị Nga	Thạc sĩ		Kỹ thuật điện tử - viễn thông
146	Võ Thiện Lĩnh	Thạc sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
147	Ngô Thế Anh	Thạc sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
148	Võ Trường Sơn	Tiến sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
149	Trần Xuân Trường	Tiến sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
150	Huỳnh Văn Quân	Tiến sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
151	Ngô Thị Thu Hương	Thạc sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
152	Lê Văn Ninh	Thạc sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
153	Lê Mạnh Tuấn	Thạc sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
154	Lâm Quang Thái	Thạc sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
155	Bùi Thị Nga	Thạc sĩ		Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
156	Trịnh Xuân Bái	Thạc sĩ		Kỹ thuật môi trường
157	Lê Minh Cảnh	Thạc sĩ		Kỹ thuật môi trường
158	Hà Quang Hùng	Tiến sĩ		Kiến trúc
159	Lê Gia Khuyến	Thạc sĩ		Kiến trúc
160	Trịnh Xuân Bái	Thạc sĩ		Kiến trúc
161	Hà Văn Anh Khoa	Thạc sĩ		Kiến trúc
162	Nguyễn Đăng Khoa	Thạc sĩ		Kiến trúc
163	Nguyễn Thanh Hà	Tiến sĩ		Kiến trúc
164	Nguyễn Lộc Kha	Tiến sĩ		Kiến trúc
165	Diệp Thành Hưng	Thạc sĩ		Kiến trúc
166	Trần Xuân Hòa	Tiến sĩ		Kiến trúc
167	Vũ Việt Hưng	Tiến sĩ		Kiến trúc
168	Nguyễn Tuấn Cường	Thạc sĩ		Kiến trúc
169	Lê Minh Cảnh	Thạc sĩ		Kiến trúc
170	Trần Thị Trúc Liễu	Tiến sĩ		Kiến trúc
171	Hà Quang Hùng	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng
172	Nguyễn Thạc Quang	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng
173	Nguyễn Văn Hùng	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng
174	Lê Văn Bách	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng
175	Ngô Châu Phương	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng
176	Hồ Xuân Ba	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
177	Trần Quang Vượng	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
178	Nguyễn Phước Minh	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng
179	Nguyễn Nhật Minh Trí	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng
180	Nguyễn Thị Thu Thủy	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
181	Hà Văn Anh Khoa	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
182	Nguyễn Đăng Khoa	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
183	Huỳnh Văn Quân	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng
184	Hồ Việt Long	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng
185	Đào Nguyễn Huy Tông	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
186	Nguyễn Đăng Điềm	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
187	Đỗ Minh Khánh	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
188	Nguyễn Công Thức	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
189	Lê Hữu Đạt	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
190	Phạm Thị Kiều	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
191	Nguyễn Xuân Tùng	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng
192	Đoàn Tấn Thi	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
193	Hồ Vĩnh Hạ	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng
194	Nguyễn Thanh Hà	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng
195	Nguyễn Lộc Kha	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng
196	Diệp Thành Hưng	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
197	Trần Xuân Hòa	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng
198	Vũ Việt Hưng	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng
199	Nguyễn Tuấn Cường	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng
200	Trần Thị Trúc Liễu	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng
201	Lê Thị Thu Thủy	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
202	Nguyễn Thạc Quang	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
203	Trần Huy Thiệp	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
204	Nguyễn Văn Hùng	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
205	Nguyễn Đức Trọng	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
206	Lê Văn Bách	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
207	Ngô Thanh Thủy	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
208	Phạm Bá Hưng	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
209	Ngô Châu Phương	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
210	Trần Quang Vượng	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
211	Nguyễn Phước Minh	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
212	Phan Lê Như Thủy	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
213	Trần Văn Thuận	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
214	Võ Hồng Lâm	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
215	Vũ Văn Toàn	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
216	Nguyễn Văn Du	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
217	Trần Xuân Ba	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
218	Võ Xuân Lý	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
219	Đào Nguyễn Huy Tông	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
220	Huỳnh Xuân Tín	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
221	Nguyễn Đức Hiếu	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
222	Nguyễn Đăng Điềm	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
223	Đỗ Minh Khánh	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
224	Nguyễn Công Thức	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
225	Lê Văn Dũng	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
226	Lê Trọng Tùng	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
227	Lê Thị Hà	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
228	Trịnh Thị Trang	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
229	Lê Văn Phúc	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
230	Lê Hữu Đạt	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
231	Phạm Thị Kiều	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
232	Nguyễn Xuân Tùng	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
233	Đoàn Tấn Thi	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
234	Hồ Vĩnh Hạ	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
235	Nguyễn Sơn Đông	Thạc sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
236	Lê Đình Thục	Tiến sĩ		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
237	Vũ Đoàn Quân	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
238	Chu Minh Anh	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
239	Lê Hải Quân	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
240	Nguyễn Phương Thanh	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
241	Trần Quốc Khánh	Đại học		Kinh tế xây dựng
242	Vũ Văn Toàn	Tiến sĩ		Kinh tế xây dựng
243	Nguyễn Văn Du	Tiến sĩ		Kinh tế xây dựng
244	Trần Xuân Ba	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
245	Võ Xuân Lý	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
246	Huỳnh Xuân Tín	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
247	Nguyễn Đức Hiếu	Tiến sĩ		Kinh tế xây dựng
248	Nguyễn Đức Tâm	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
249	Nguyễn Xuân Trường	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
250	Lê Văn Dũng	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
251	Lê Trọng Tùng	Tiến sĩ		Kinh tế xây dựng
252	Lê Thị Hà	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
253	Trịnh Thị Trang	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
254	Nguyễn Danh Huy	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
255	Phạm Ngọc Bảy	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
256	Lê Văn Phúc	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Kinh tế xây dựng
257	Nguyễn Công Hậu	Đại học		Kinh tế xây dựng

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
258	Đỗ Thành Hiếu	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
259	Nguyễn Sơn Đông	Thạc sĩ		Kinh tế xây dựng
260	Lê Đình Thục	Tiến sĩ		Kinh tế xây dựng
261	Vũ Đoàn Quân	Thạc sĩ		Quản lý xây dựng
262	Chu Minh Anh	Thạc sĩ		Quản lý xây dựng
263	Lê Hải Quân	Thạc sĩ		Quản lý xây dựng
264	Nguyễn Phương Thanh	Thạc sĩ		Quản lý xây dựng
265	Nguyễn Đức Tâm	Thạc sĩ		Quản lý xây dựng
266	Nguyễn Xuân Trường	Thạc sĩ		Quản lý xây dựng
267	Nguyễn Danh Huy	Thạc sĩ		Quản lý xây dựng
268	Nguyễn Thị Bích Hằng	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
269	Trần Quốc Khánh	Đại học		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
270	Nguyễn Thanh Thoa	Thạc sĩ		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
271	Tông Kim Đông	Thạc sĩ		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
272	Hoàng Văn Hào	Thạc sĩ		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
273	Đậu Thị Hoài Nam	Thạc sĩ		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
274	Nguyễn Công Hậu	Đại học		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
275	Nguyễn Quang Huy	Thạc sĩ		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
276	Võ Thị Bích Trâm	Thạc sĩ		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
277	Nguyễn Thị Thái Hà	Thạc sĩ		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
278	Nguyễn Thị Bích Hằng	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Khai thác vận tải
279	Phan Lê Như Thủy	Thạc sĩ		Khai thác vận tải
280	Nguyễn Thanh Thoa	Thạc sĩ		Khai thác vận tải
281	Trần Văn Thuận	Thạc sĩ		Khai thác vận tải
282	Võ Hồng Lâm	Thạc sĩ		Khai thác vận tải
283	Tông Kim Đông	Thạc sĩ		Khai thác vận tải

STT	Họ tên	Trình độ	Học hàm	Tên ngành ĐH
284	Nguyễn Thị Thanh Hương	Tiến sĩ		Khai thác vận tải
285	Nguyễn Văn Dũng	Thạc sĩ		Khai thác vận tải
286	Huỳnh Thị Thúy Kiều	Thạc sĩ		Khai thác vận tải
287	Nguyễn Quang Huy	Thạc sĩ		Khai thác vận tải
288	Võ Thị Bích Trâm	Thạc sĩ		Khai thác vận tải
289	Nguyễn Thị Thái Hà	Thạc sĩ		Khai thác vận tải
290	Trần Thị Thanh Loan	Thạc sĩ		Kinh tế vận tải
291	Trịnh Thị Thanh	Thạc sĩ		Kinh tế vận tải
292	Hoàng Văn Hào	Thạc sĩ		Kinh tế vận tải
293	Phan Thị Hiền Anh	Thạc sĩ		Kinh tế vận tải
294	Lê Thị Thi Hạ	Thạc sĩ		Kinh tế vận tải
295	Phạm Văn Lương	Thạc sĩ		Kinh tế vận tải

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/ giảng viên

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành III	14.92
2	Khối ngành V	13.90
3	Khối ngành VII	18.92

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT

CÔNG KHAI CAM KẾT CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI
Năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm học...	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiền sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành III	Triệu đồng/năm	24.5	144.25
	Khối ngành V	Triệu đồng/năm	29.25	168.75
	Khối ngành VII	Triệu đồng/năm	24.5	152
2	Thạc sỹ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành III	Triệu đồng/năm	14.7	35.85
	Khối ngành V	Triệu đồng/năm	17.55	42.15
	Khối ngành VII	Triệu đồng/năm	14.7	37.2
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành III	Triệu đồng/năm	9.8	57.7
	Khối ngành V	Triệu đồng/năm	11.7	67.5
	Khối ngành VII	Triệu đồng/năm	9.8	60.8
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
II	Học phí chính quy chương trình khác			
1	Tiền sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sỹ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		

III	Học phí hình thức vừa học vừa làm			
1	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành III	Triệu đồng/năm	9.8	57.7
	Khối ngành V	Triệu đồng/năm	11.7	67.5
	Khối ngành VII	Triệu đồng/năm	9.8	60.8
2	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
3	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
IV	Tổng thu năm 2022	Tỷ đồng		
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	50	
2	Từ học phí	Tỷ đồng	360	
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng	17	
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	17	

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. NGUYỄN THANH CHƯƠNG